

■ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**

TS. Đặng Công Huân
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

■ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:**

Ths. Nguyễn Thị Hoa

■ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**

Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Trần Đức Xuyên

■ **TOÀ SOẠN:**

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: 091.863.5289

● **Phòng Trị sự:**

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisuu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

● **Phòng Phóng viên & Biên tập:**

ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabbtt@gmail.com

● **Phòng Truyền thông và Phát hành:**

ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

● **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

■ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

■ **BÌA 1:** Thành phố Hồ Chí Minh

xưa và nay

■ **ẢNH BÌA 1:** PV

■ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

■ **IN TẠI:** Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

■ **NỘP LƯU CHIẾU:** Tháng 4/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

CHÍNH LUẬN



3 Nguyễn Hoàng Mai, Nguyễn Thị Thu Hằng: Khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và lý tưởng chủ nghĩa xã hội trong Di chúc soi sáng con đường cách mạng Việt Nam

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI



7 Nguyễn Hữu Hòa: Nhìn lại hơn 2 năm thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp



10 TS. Đinh Văn Minh: Tăng cường giám sát, hạn chế tiêu cực trong hoạt động thanh tra

12 PGS.TS. Vũ Thư, Ths. Đinh Thị Hậu: Quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước (Tiếp theo và hết)



16 TS. Trần Tuyết Mai: Các hình thức chịu trách nhiệm; mức độ, biện pháp xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

19 TS. Nguyễn Thị Thu Nga: Một số vấn đề đặt ra trong chính sách xử lý đối với hành vi tham nhũng ở Việt Nam



22 Thanh Nga: Những bất cập trong Luật Thanh tra 2010 và một số biện pháp khắc phục

25 Nguyễn Thị Ngọc Xinh: Một số kiến nghị nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động thanh tra lại



29 **Ths. Lê Quang Kiệt:** Nâng cao năng lực của ngành quản lý thị trường góp phần quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay



32 **Hoàng Đình Dũng:** Bàn về trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh



35 **Tô Thị Hồng Lê:** Kiểm tra, giám sát thu hút đầu tư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lai Châu

VĂN HÓA - XÃ HỘI

37 **Đào Thanh Tùng:** Thương lắm Loa kèn!

38 *Truyện ngắn của* **Ngô Nữ Thùy Linh:** Người cha



41 **Trần Văn Thiên:** Góc nhỏ yên bình...

TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

43 **Đỗ Quyên:** Tìm hiểu quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

45 **Quỳnh An:** Văn bản mới ban hành

KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI



48 **Ths. Lê Văn Đức:** Cách tiếp cận phòng ngừa tham nhũng của ICAC và kinh nghiệm cho Việt Nam



Khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và lý tưởng chủ nghĩa xã hội trong Di chúc soi sáng con đường cách mạng Việt Nam

 **Nguyễn Hoàng Mai**

Tạp chí Nhịp cầu Tri thức

 **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được khởi thảo trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang vào thời kỳ quyết liệt nhất. Nửa thế kỷ trôi qua, Di chúc vẫn sáng tỏ con đường cách mạng chúng ta đi - con đường Người đã chọn, con đường Người đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân ta ghi dấu những

mốc son rực rỡ nhất trong thế kỷ XX. Lý tưởng cùng muôn vàn tình thân yêu Người để lại mãi soi đường chỉ lối cho Đảng, cho nhân dân quyết đem lá cờ bách chiến bách thắng của Người tới đích cuối cùng.

Khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt niềm tin chắc chắn: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ

có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa... Nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn khi là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”⁽¹⁾.



Xe tăng Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập sáng ngày 30/4/1975.

Ảnh: Tư liệu



Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể: “Có lần, có đồng chí viết trong một văn kiện về cuộc kháng chiến chống Mỹ: “Địch nhất định thua, ta nhất định thắng”. Nghe câu này, Bác phản ứng tức khắc: Phải nói ngược lại: “Ta nhất định thắng, địch nhất định thua”. Bác giải thích thêm: “Ta phải thắng thì nó mới thua”. Niềm tin vào độc lập, tự do, thống nhất nước nhà của Người trở thành niềm tin tất thắng cho dân tộc. Không phải mong muốn chủ quan, niềm tin đó xuất phát từ đường lối và vai trò lãnh đạo cách mạng, quy tụ toàn dân tộc đoàn kết thống nhất dưới cờ Đảng; từ thực tiễn đấu tranh anh hùng, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh của triệu triệu chiến sĩ, đồng bào cả nước; từ tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, được nhân loại tiến bộ đồng tình, ủng hộ. Hoà bình của Người là hạnh phúc nhân dân hằng khát khao vươn tới: Giải phóng miền Nam mà nhân dân thiết tha, thống nhất đất nước mà nhân dân mong mỏi.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm đoàn kết một lòng, thề “giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người”⁽²⁾. Trong những ngày đau đớn nhất, cả dân tộc đều gặp nhau trong nhận thức chung: Bác Hồ của chúng ta không mất, Bác Hồ sống mãi cùng non sông đất nước, trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước anh hùng, bất khuất và trong lòng dân.

Theo lời hiệu triệu của Người, miền Nam - thành đồng Tổ quốc vững vàng trên tuyến đầu chống Mỹ. Trong đêm dài nô lệ, cái tên rất đẹp “Hồ Chí Minh” vang dội trong lòng nhân dân miền Nam như niềm tin, như lời kêu gọi đấu tranh: “Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh/ Như một niềm tin, như dũng khí”⁽³⁾. Ở miền Bắc, trong khói lửa chiến tranh phá hoại, sự nghiệp xã hội chủ nghĩa (XHCN) vẫn tiếp tục được đẩy mạnh, lực lượng kinh tế, quốc phòng của miền Bắc tăng cường rõ rệt, xứng đáng là căn cứ địa của cả nước, là hậu phương lớn của miền Nam: “Gánh cả non sông vượt dậm dài/ Xẻ



Xe Quân Giải phóng trên đường phố Sài Gòn, 30/4/1975.

Ảnh: Tư liệu

đọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”⁽⁴⁾. Không gì có thể ngăn cản sự hỗ trợ cách mạng hai miền dù không gian cách xa hay giặc Mỹ điên cuồng bắn phá. Nhân dân cả nước cùng nhau vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, liên tục tiến công và liên tiếp đánh thắng quân thù. Vì thua mà chưa chịu thua nên địch đã leo thang chiến tranh, nhưng mỗi khi leo lên một nấc thang mới thì địch đã thấy trước mắt chúng những lực lượng vũ trang hùng hậu và một dân tộc đang kiên cường, giáng cho chúng những đòn rất nặng, dồn chúng vào thế ngày càng bị động.

Trong cuộc chiến đấu oanh liệt đó, lời Di chúc đã trao cho chiến sĩ và đồng bào sức mạnh quật cường, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của cả dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh đến đỉnh cao. Đế quốc Mỹ có thể đưa hàng triệu quân đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam, chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc nhưng chúng quyết không lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tin tưởng chắc chắn “nhất định thắng lợi hoàn toàn”. Niềm tin cùng hình ảnh bất tử của Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn dắt quân dân ta đến trận tấn công cuối cùng vào sào huyệt quân thù. Ngày 30/4/1975, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên thành phố Sài Gòn, nơi bao nhiêu năm từng là hang ổ của chế độ thực dân mới. Ở bên

kia bán cầu, ngày 12/5/1975, Tạp chí Time dành gần như toàn bộ số báo hôm đó để nói về sự kiện quan trọng nhất thế giới bấy giờ: Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc. Trang bìa Tạp chí này có bức họa chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản đồ Việt Nam màu đỏ, ngôi sao vàng ở vị trí của Sài Gòn được chú thích: “Ho Chi Minh City” và dòng tít lớn: “The Victor” (Người chiến thắng).

6 năm sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, sự nghiệp chống Mỹ cứu nước toàn thắng. Trong niềm hân hoan non sông thống nhất, cả dân tộc càng nhớ Bác, nhớ tới “lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng”. “Điều căn dặn khẩn thiết” trong Di chúc “nhân dân Việt Nam ta đã hoàn thành một cách rất tốt đẹp” và “kính dâng lên Bác bông hoa của chiến thắng, bông hoa của những hạt giống mà Bác đã gieo trồng, bông hoa tươi thắm của mùa xuân nghìn năm có một”⁽⁵⁾. Ngày 02/7/1976, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất do tổng tuyển cử trong cả nước bầu ra đã thông qua nghị quyết lịch sử: Tuyên bố thành lập nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng đầu tiên sau ngày thống nhất, Đại hội lần thứ IV (tháng 12/1976), Tổng Bí thư Lê Duẩn thể hiện sâu sắc tình cảm của nhân dân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong giờ phút quang vinh này, chúng ta vô cùng xúc động tưởng nhớ tới Bác Hồ muôn vàn kính yêu, vì Bác của chúng ta không còn nữa để



tham dự Đại hội lịch sử này. Nhưng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta rất tự hào đã thực hiện một cách xuất sắc Di chúc thiêng liêng của Bác. Điều mong muốn và lời căn dặn thiết tha nhất của Bác hôm nay đã trở thành sự thật. Đế quốc Mỹ đã vĩnh viễn rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Đồng bào Nam Bắc đã sum họp một nhà”⁽⁶⁾.

Sau khi miền Nam giải phóng, Bắc Nam sum họp, với quyết tâm kiên định của Đảng, của cả dân tộc đối với lý tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn, đất nước ta bước ngay vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, nỗ lực trên con đường xây dựng CNXH trong cả nước - con đường âm thầm của nhân dân.

Lý tưởng xây dựng CNXH đem lại phần vinh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân

Trong Lễ kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã thay mặt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thưa với Bác: “Làm xong một việc lớn, giờ đây chúng tôi suy tính đến một việc lớn khác mà Bác đã căn dặn”⁽⁷⁾, đó là nhiệm vụ thực hiện niềm mong ước lớn vào tương lai tươi đẹp của đất nước: “Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”. Nghiên cứu Di chúc, chúng ta đều

nhận thấy phần chủ yếu là những lời dặn về con đường đi lên CNXH, có thể gọi là CNXH dân giàu, nước mạnh. Người chỉ dẫn những định hướng quan trọng mang tính chiến lược cùng các chính sách kinh tế xã hội toàn diện, thiết thực: “Trước hết nói về Đảng”, “việc đầu tiên là chỉnh đốn lại Đảng”, “đầu tiên là công việc đối với con người”, “bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”⁽⁸⁾... Tháng 5/1966, Người dừng lại ở nhiều ý nhưng chỉ bổ sung một câu ở phần nói về Đảng: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Nếu không xuất phát từ “tình đồng chí yêu thương lẫn nhau” sẽ chẳng sự phê bình nào thật sự có ý nghĩa. Tháng 5/1968, Người “thấy cần phải viết thêm mấy điểm”, bản viết tay dày đặc những dòng chữ chồng chéo lên nhau, gạch xóa, vòng xuống, vòng lên, mực xanh lẫn mực đỏ. Người chưa yên lòng khi từ biệt đồng bào - đồng chí, đất nước - nhân dân. Đánh Mỹ, thắng Mỹ vô cùng gian khổ nhưng xây dựng CNXH, tiến công vào nghèo nàn lạc hậu trong hoàn cảnh hòa bình cũng chồng chất khó khăn, phức tạp riêng. Nếu Đảng không được chỉnh đốn để có thể theo kịp tình hình mới thì cách mạng không thể tiến được, thậm chí những thành quả giành

được từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân sẽ có nguy cơ mai một. Nếu chỉnh đốn lại Đảng là việc phải làm trước tiên thì công việc đối với con người là công việc đầu tiên Đảng phải quan tâm. Người dặn đầy đủ, không quên ai, không bỏ sót việc gì. Suốt đời vì nhân dân, tin tưởng ở dân, chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, nhắc nhở bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Lòng nhân ái của Người sâu thẳm như biển cả, lại thiết thực như hạt gạo, hạt muối.

Trên con đường tiến lên CNXH, dự đoán những thử thách có thể xảy ra trong từng bước đi của lịch sử dân tộc, nhìn xa, thấy trước một cuộc chiến đấu mới “khổng lồ”, “chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁽⁹⁾ mở ra phía trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu “cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁽¹⁰⁾. Lời dặn vừa là sự trao gửi nhiệm vụ vừa là sợi dây gắn bó giữa Đảng với dân. Mỗi câu, mỗi chữ trong Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh cân nhắc, sửa chữa rất cẩn thận. Chúng ta nghiên cứu Di chúc cũng phải trăn trở, suy nghĩ về từng câu, từng chữ, từng vấn đề Người dặn lại để ngẫm, để thấu cho hết những lời ngắn gọn, giản dị đó trong hoạch định sáng tạo đường lối, chính sách lâu dài của đất nước.

Hơn 60 năm hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch (kể từ năm 1908 đến năm 1969) đối với lịch sử của cả dân tộc và diễn biến của thời đại chỉ là tích tắc nhưng nhìn ngược về quá khứ, nhìn rộng ra thế giới, trong khoảng thời gian ấy, những điều Người mang lại cho dân tộc và cùng với dân tộc thực hiện thật lớn lao. “Song, so với những điều Người hằng ấp ủ, so với hành trình Người vạch ra cho dân tộc gồm hai cuộc cách mạng để hoàn thành ba cuộc giải phóng lớn: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người thì những điều đã thực hiện được sinh thời Hồ Chí Minh mới chỉ là những chặng đường đầu - những chặng đường đầu rất vẻ vang và cực kỳ quan trọng, tạo ra nền tảng cho cả cuộc hành trình, bảo đảm và báo trước những



Nhân dân Sài Gòn vui mừng chào đón Quân Giải phóng, ngày 30/4/1975.

Ảnh: Tư liệu



thắng lợi tiếp theo. Trong toàn bộ công trình mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế, phần đã làm được có thể xem như việc đổ móng, đắp nền⁽¹¹⁾. Độc lập, tự do cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân là những giá trị cốt lõi, sâu rễ bền gốc Người tìm kiếm lúc rời đất nước ra đi, ấp ủ lúc trở về trong lý tưởng CNXH, tâm niệm thực hiện suốt cuộc đời, cho đến những lời dặn lại trong Di chúc. Nghiên cứu Di chúc, chúng ta tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải chỉ ngợi ca, mà quan trọng hơn là phần đầu xứng đáng với niềm mong mỏi Người dặn lại bởi những cái nhỏ nhặt, tầm thường, xô bồ trong cuộc sống hàng ngày dễ làm xao nhãng, gián đoạn sự thiết tha với những điều lớn lao, cao đẹp của lý tưởng CNXH. Thực tiễn mấy mươi năm qua, từ khi đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH đã chứng minh những bước chuyển biến của thời đại mới không bao giờ theo một con đường thẳng tắp mà phải qua thăng trầm, quanh co, khúc khuỷu, có lúc thoái trào, nhưng vững tin ở lý tưởng CNXH, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhìn thẳng vào sự thật, phân tích kỹ lưỡng sai lầm, khuyết điểm mắc phải, chúng ta đã tiến lên với nhịp độ và quy mô rộng lớn hơn.

Tư tưởng của Di chúc tiếp tục soi sáng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN

Trong loạt bài “Di sản của Hồ Chí Minh” đăng trên tờ World Daily (Mỹ), số ra ngày 20/9/1969 có đoạn: “Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong thời đại mà cuộc đời và các tác phẩm còn sống mãi. Nhà lãnh đạo Việt Nam vĩ đại này đã để lại một di sản tinh thần thôi thúc ý chí mọi người và thúc đẩy những hành động lớn lao trong sự nghiệp tự do và chủ nghĩa cộng sản!”⁽¹²⁾. Trong cách mạng giải phóng dân tộc hay trong xây dựng CNXH, khẩu hiệu “Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta” luôn là tiếng nói của tình cảm, lý tưởng và trí tuệ.

Từ năm 1975 trở đi, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn theo con đường CNXH. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh lo nghĩ, công cuộc xây dựng CNXH đã gặp khó khăn, vấp vấp và

vấp vấp đúng những điều Người đã căn dặn trong Di chúc. Đứng trước khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng của sự nghiệp xây dựng đất nước những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng đã thẳng thắn tự phê bình khuyết điểm, sai lầm. Báo cáo chính trị thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V nêu rõ: “Chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm”⁽¹³⁾, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đổi mới tư duy lý luận, giải quyết những vấn đề gay gắt, nóng bỏng đang đặt ra cho công cuộc xây dựng XHCN. Kiên định với tư tưởng Hồ Chí Minh để khắc phục những ngả nghiêng, do dự, chông lại những lệch lạc, chệch đường. Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12/1986) quyết định chủ trương đổi mới toàn diện. Đây là bước ngoặt mà thời gian càng làm nổi bật ý nghĩa lớn lao. Đổi mới là sự nghiệp mới mẻ, không có tiền lệ, là con đường lớn vẻ vang, cũng là con đường đầy gian nan, thử thách, đòi hỏi phải có ý chí, quyết tâm lớn, trí tuệ cao. Trên con đường mới khai phá đó, những điều “dĩ bất biến” là phần cốt lõi của di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc: Chủ nghĩa Mác - Lê nin, con đường XHCN; sự lãnh đạo của Đảng; chuyên chính vô sản và nền dân chủ XHCN; chủ nghĩa quốc tế vô sản. Diễn văn khai mạc Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 6/1991) khẳng định: “Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, quyết tâm thực hiện những mục tiêu của CNXH. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng”⁽¹⁴⁾. Vượt qua nhiều thử thách, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN đang tiếp tục khai hoa kết quả trên con đường mà Hồ Chủ tịch vạch ra trong Di chúc.

Trong “cuộc chiến đấu khổng lồ” đâu chỉ có khó khăn khách quan mà còn rất nhiều khó khăn chủ quan, yếu kém, nhỏ bé, ích kỷ cá nhân, ảnh hưởng đến uy tín, sức hấp dẫn của Đảng. Muốn “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn: “Phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình” bằng “tình đồng chí thương

yêu lẫn nhau”⁽¹⁵⁾. Đó là luận điểm có ý nghĩa cơ bản và sâu sắc về quan hệ giữa Đảng cầm quyền và sự nghiệp cách mạng của quần chúng. Gắn liền dạy của Người với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, Đảng đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết quan trọng. Năm 2003, Ban Bí thư khóa IX ban hành Chỉ thị 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới. Để đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp trong sinh hoạt Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu: “Mỗi người phải có tinh thần tự giác rất cao, có tình thương yêu đồng chí thật sự và phải có dũng khí đấu tranh thẳng thắn, chân tình. Quá trình kiểm điểm phải thực sự nghiêm túc, không làm luớt, làm qua loa, chiếu lệ”⁽¹⁶⁾.

Có thể nói, giữ vững lời thề đoàn kết trong Đảng, thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, hơn 50 năm qua (kể từ ngày Bác mất), Đảng luôn nỗ lực xứng đáng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, để Đảng do Người sáng lập “vĩ đại vì bao trùm cả nước” mà “gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào”, “ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng không có lợi ích gì khác” như Người hằng mong muốn./.

Chú thích:

- (1), (8), (9), (10), (15) Trích Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- (2) Trích Điều văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam;
- (3), (4) Trích thơ “Theo chân Bác”, Tố Hữu;
- (5), (7), (11) Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc, NXB Chính trị quốc gia, H.2009, tr 12;
- (6) E.Cô-bê-lép, Đồng chí Hồ Chí Minh, NXB Thanh niên, tr 533-534;
- (12) Chủ tịch Hồ Chí Minh trong con mắt người nước ngoài, Trang tin điện tử Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 22/01/2013;
- (13), (14) Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh, NXB Thông tin và truyền thông, tr 289; 300;
- (16) Tự phê bình và phê bình - Vũ khí sắc bén ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên hiện nay, Trang tin điện tử Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 6/3/2013.



vụ tiên quyết trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức Hội nghị giao ban khu vực⁽¹⁾ để triển khai. Trong đó, đã thảo luận, thống nhất nhiều giải pháp để thực hiện tốt Chỉ thị, đảm bảo thực hiện nghiêm việc thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp theo kế hoạch không quá 01 lần/năm.

Đối với Thanh tra Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ đã yêu cầu thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị quán triệt nội dung của Chỉ thị 20 tới từng cán bộ, công chức của đơn vị; chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra; chỉ đạo Vụ Kế hoạch - Tổng hợp chủ trì, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng kế hoạch thanh tra của các bộ, ngành, địa phương; phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán Nhà nước trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hàng năm. Tại các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của ngành Thanh tra, Thanh tra Chính phủ luôn chỉ đạo thanh tra các bộ, ngành, địa phương đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 20, đưa việc thực hiện Chỉ thị 20 vào nội dung thảo luận chính thức.

Hầu hết các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành kế hoạch, chương trình hành động, văn bản chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị 20; có đơn vị sửa đổi thông tư, quy định về thanh tra để đảm bảo phù hợp với Chỉ thị của Thủ tướng⁽²⁾. Qua đó, nội dung của Chỉ thị 20 đã được phổ biến, tuyên truyền đến các cơ quan, cán bộ, công chức thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra; lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, cơ quan thanh tra xác định rõ nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra đối

Nhìn lại hơn 2 năm thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp

Nguyễn Hữu Hòa

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, TTCP

Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 (Chỉ thị 20) của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, phù hợp với quyết tâm nỗ lực xây dựng “Chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân”. Sau khi được ban hành, Chỉ thị đã được ngành Thanh tra triển khai khẩn trương, đồng bộ, nghiêm túc, coi việc thực hiện Chỉ thị là một nhiệm



với doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị; xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật, tránh trùng lặp, chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra nói chung và với doanh nghiệp nói riêng.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, hàng năm, Tổng Thanh tra Chính phủ yêu cầu các đơn vị thực hiện thanh tra, kiểm tra phải tuân thủ kế hoạch đã ban hành. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc phải báo cáo ngay Phó Tổng Thanh tra Chính phủ phụ trách để có chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của các bộ, ngành, địa phương, giao Vụ Kế hoạch - Tổng hợp chủ trì triển khai thực hiện việc kiểm tra kết hợp nắm tình hình xây dựng Định hướng, kế hoạch cho năm tiếp theo. Mặt khác, yêu cầu các đơn vị thực hiện nội dung nêu trên trong quá trình tiến hành các cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra. Các bộ, ngành, địa phương cũng lồng ghép, thực hiện nội dung kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của các đơn vị trực thuộc trong các cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra.

Để thực hiện hiệu quả Chỉ thị 20, Thanh tra Chính phủ đã chủ động, sớm xây dựng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra. Hàng năm, căn cứ vào quy định của pháp luật từ đầu tháng 4, Thanh tra Chính phủ ban hành công văn gửi thanh tra các bộ, ngành, địa phương đề xuất Định hướng chương trình thanh tra năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, cùng với việc nắm tình hình của Thanh tra Chính phủ, kết quả làm việc, phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ tiến hành xây dựng dự thảo Định hướng chương trình thanh tra trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Cùng với quá trình xây dựng dự thảo Định hướng chương trình thanh tra, Thanh tra Chính phủ xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của mình một cách thận trọng,

đảm bảo nguyên tắc có trọng tâm, trọng điểm, không chồng chéo, trùng lặp và đáp ứng được yêu cầu; đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh tra. Chính vì vậy, việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đã được Tổng Thanh tra Chính phủ quan tâm, chỉ đạo sát sao ngay từ khi xây dựng dự thảo Định hướng và kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Trong đó, đối với nội bộ ngành Thanh tra, Thanh tra Chính phủ chủ trì họp với thanh tra các bộ, ngành Trung ương để thảo luận, thống nhất; đối với Kiểm toán Nhà nước, sau khi phối hợp ở cấp độ các đơn vị được giao chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch, lãnh đạo hai cơ quan họp thống nhất và có văn bản xin ý kiến/văn bản góp ý chính thức và dự thảo kế hoạch của hai cơ quan. Đồng thời, Kiểm toán Nhà nước cung cấp kế hoạch chi tiết, cụ thể cho Thanh tra Chính phủ và thanh tra bộ, ngành, địa phương để tránh chồng chéo; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước khi xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm toán phối hợp chặt chẽ với cơ quan thanh tra đảm bảo không chồng chéo về thời gian và nội dung thanh tra, kiểm toán một đối tượng cụ thể. Đến nay, đã khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo giữa Thanh tra Chính phủ với Kiểm toán Nhà nước trong khâu xây dựng, ban hành kế hoạch giữa hai cơ quan.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra hàng năm, Thanh tra Chính phủ ban hành kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ và hướng dẫn bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra của đơn vị mình, trong đó quán triệt tinh thần Chỉ thị 20 giảm mật độ và hạn chế chồng chéo trong hoạt động thanh tra tại các doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, phát hiện xử lý vi phạm góp phần làm lành mạnh môi trường đầu tư kinh doanh.

Tiếp đó, Thanh tra Chính phủ tiến hành rà soát chồng chéo trong kế hoạch

thanh tra, kiểm tra của thanh tra các bộ, ngành, địa phương gửi về Thanh tra Chính phủ. Kết quả, đã xử lý chồng chéo trong kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Bộ Thông tin và Truyền thông về thanh tra tại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội; giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với Thanh tra tỉnh Hòa Bình; xử lý chồng chéo giữa Thanh tra tỉnh Quảng Nam với Kiểm toán Nhà nước Khu vực III. Đồng thời, hướng dẫn, trả lời về xử lý chồng chéo của một số cơ quan, tổ chức, như: UBND tỉnh Đồng Nai, Hiệp hội Chế biến xuất khẩu Thủy sản; Hiệp hội Các doanh nghiệp Việt Nam...⁽³⁾

Thanh tra bộ, ngành Trung ương chủ động rà soát, đối chiếu với kế hoạch của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và tổ chức họp, trao đổi với thanh tra các bộ, ngành liên quan trước khi ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra của thanh tra bộ và các đơn vị có chức năng thanh tra thuộc bộ.

Ở các địa phương, Thanh tra tỉnh, thành phố chủ trì rà soát, đối chiếu với kế hoạch của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Khu vực để tránh chồng chéo khi trình ban hành kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh; đồng thời hướng dẫn, rà soát, xử lý chồng chéo trong việc xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra của thanh tra quận, huyện, sở, ngành trong địa bàn tỉnh.

Có thể nói, trong hơn 2 năm thực hiện Chỉ thị 20 của Thủ tướng Chính phủ, công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra ngày càng được quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý và đảm bảo thực hiện tốt Chỉ thị. Toàn ngành Thanh tra đã chủ động rà soát, kịp thời phối hợp xử lý chồng chéo được phát hiện qua công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và qua việc triển khai thực hiện. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã có cách làm hay, phù hợp với thực tiễn địa phương góp phần hạn chế chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.



Tuy nhiên, dù đã thực hiện tốt các biện pháp, song vẫn còn tình trạng chông chéo, trùng lặp trong xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra dù không nhiều. Sau khi đã xử lý chông chéo ở khâu xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì vẫn xuất hiện tình trạng chông chéo trong quá trình tổ chức thực hiện. Nguyên nhân chính là do quá trình xây dựng kế hoạch chưa chi tiết, cụ thể; đối với thanh tra chuyên ngành một số lĩnh vực đặc thù, không công khai kế hoạch thanh tra trước. Trong ngành Thanh tra, việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan thanh tra chưa có sự liên thông với nhau; quá trình xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, các cơ quan thanh tra không gửi hoặc chậm gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho đơn vị đầu mối được giao rà soát, hướng dẫn, xử lý dẫn tới tình trạng còn chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Bên cạnh đó, vai trò, trách nhiệm của một số thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước trong việc tổ chức, triển khai Chỉ thị còn hạn chế, thiếu chủ động, tích cực trong kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý Nhà nước của mình để xử lý, hạn chế chông chéo. Một số cơ quan thanh tra, kiểm tra chưa thực sự quyết tâm đổi mới phương pháp, cách thức nắm tình hình, tiến hành thanh tra, kiểm tra.

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của Chỉ thị, thiết nghĩ trong thời gian tới, Thanh tra Chính phủ, các cơ quan hữu quan cần khẩn trương rà soát, đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp để phù hợp với tình hình mới, giảm thiểu phiền hà, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, Thanh tra Chính phủ tiếp tục tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ các giải pháp để thực hiện nghiêm Chỉ thị, đồng thời rà soát, xem xét, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ quy định về giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp Nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian tới.

Các cơ quan chức năng cần sớm nghiên cứu, đề xuất đưa vào chương trình xây dựng luật của Quốc hội đối với dự án sửa đổi, bổ sung Luật Thanh tra; ban hành quy định về việc kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Hai cơ quan Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước cần tiếp tục phối hợp, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp giữa hai cơ quan; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với thanh tra các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm toán để tránh chông chéo.

Bên cạnh đó, cần khẩn trương xây dựng phần mềm tích hợp dữ liệu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp để tạo thuận tiện cho việc tra cứu, theo dõi, tổng hợp kết quả và hạn chế chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp./.

Ký ức tháng Tư

(Chào mừng 45 năm giải phóng Miền Nam)

Có một ngày không bao giờ quên
Ghi khắc trong tim đi cùng năm tháng
Ngày 30 tháng Tư: Sài Gòn giải phóng
Mặt đất, bầu trời đỏ thắm cờ bay

Sài Gòn chưa bao giờ vui như hôm nay
Mấy trăm năm mới có một ngày
Triệu trái tim đón đoàn quân chiến thắng
Rầm rập tiến về giải phóng Thành Đô

45 năm đẹp như giấc mơ
Sài Gòn từng ngày thay da đổi thịt
Nhà máy, công trình dựng xây hồi hả
Bến cảng, đường hầm, cầu vượt, sân ga...
Nông thôn mới xóa đói nghèo vất vả
Áo đẹp, cơm ngon đến với mọi nhà

Tháng Tư Sài Gòn: Mốc son lịch sử
Ký ức chói ngời trong trái tim ta!

Lê Xuân Đạm



Ảnh: ST

Chú thích:

- (1) Tại Quảng Ninh (đối với các tỉnh, thành Miền Bắc), tại Bình Định (đối với các tỉnh, thành Miền Trung), tại TP. Hồ Chí Minh (đối với các tỉnh, thành Miền Nam) và tại Hà Nội (đối với các bộ, ngành Trung ương);
- (2) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNN ngày 12/11/2013 để đảm bảo tần suất thanh tra không quá 01 lần/năm;
- (3) Trích phần II mục 1 của Báo cáo số 266/BC-TTCP ngày 24/02/2020 của Thanh tra Chính phủ.



Tăng cường giám sát, hạn chế tiêu cực TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA

 **TS. Đinh Văn Minh**

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, TTCP

Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Có lẽ, chưa khi nào công tác phòng, chống tham nhũng lại được triển khai quyết liệt và mạnh mẽ như những năm qua, nhất là từ khi Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được thành lập (ngày 01/02/2013) trực thuộc Bộ Chính trị do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban. Hàng loạt các vụ việc tham nhũng lớn được phát hiện và xử lý. Tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản tham nhũng ngày càng cao. Một số cán bộ, đảng viên kể cả cán bộ cao cấp đã bị xử lý nghiêm khắc. Điều đó thể hiện thái độ kiên quyết chống tham nhũng “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” của Đảng và Nhà nước ta. Những kết quả đó đã từng bước làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, lấy lại niềm tin của nhân dân vào các cơ quan Đảng và Nhà nước, vào sự nghiệp đổi mới đất nước và được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Cùng với sự quyết liệt của cả hệ thống chính trị, ngành Thanh tra có vai trò cực kỳ quan trọng trong cuộc chiến chống tham nhũng. Với chức năng “kép”, Thanh tra Chính phủ vừa là cơ quan thực hiện quyền quản lý Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, vừa trực tiếp là lực lượng phát hiện dấu hiệu tham nhũng thông qua các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, vừa tiếp nhận và giải quyết các đơn khiếu nại, tố

cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân đối với hoạt động của bộ máy công quyền và những người có chức vụ, quyền hạn.

Kết quả công tác thanh tra thời gian qua cho thấy những con số ấn tượng về các sai phạm đã được phát hiện và xử lý. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng những kết quả đó chưa phản ánh hết tình trạng tham nhũng ngày càng diễn biến phức tạp và tinh vi, chưa đáp ứng được yêu cầu của Đảng, Nhà nước và sự kỳ vọng của nhân dân.

Nguyên nhân của tình trạng này một mặt là do sự bất cập trong một số quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra, quyền hạn của cơ quan thanh tra, mặt khác còn có cả những nguyên nhân mang tính chủ quan, xuất phát từ năng lực phát hiện sai phạm còn hạn chế, sự suy thoái đạo đức trong hoạt động công vụ của một bộ phận cán bộ thanh tra.

Thực tiễn cho thấy, một trong những hành vi tiêu cực điển hình trong hoạt động thanh tra và kể cả các hoạt động kiểm tra, kiểm toán, điều tra chính là việc “ăn chia” số tiền bị chiếm đoạt bởi kẻ tham nhũng và những người mang danh chống tham nhũng, như cách nói của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc là việc “vào thấy con voi, ra chỉ còn con chuột!” Khi phát hiện ra sai phạm của đối tượng, thay vì phải kiên quyết đưa ra ánh sáng để xử lý nghiêm minh thì những kẻ thoái hóa, biến chất lại tìm cách mặc cả, buộc đối tượng phải đưa những khoản tiền lớn để được điều chỉnh mức độ sai phạm, thậm chí là được ém nệm và trở thành vô can.

Tại Hội nghị ngành Kiểm sát ngày 16/01/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh, cán bộ làm công tác chống tham nhũng “*phải luôn giữ cho mình thật sự trong sạch, thật sự liêm chính, phải là người có bản lĩnh, dũng khí, kiên quyết đấu tranh bảo vệ cái đúng, không khoan nhượng với tham nhũng. Cán bộ làm công tác chống tham nhũng mà tay đã nhúng chàm thì không thể chống được tham nhũng*”. Ngược lại, cũng cần kiên quyết đấu tranh với tình trạng “bé xé ra to, con kiến biến thành con voi”, coi những sai sót của người dân và doanh nghiệp, những bất cập trong quy định là cơ hội để tạo sức ép gây phiền hà sách nhiễu, vòi vãnh quà cáp hối lộ. Chỉ thị số 10 ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho công dân, doanh nghiệp khi giải quyết công việc chính là sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ nhằm làm giảm thiểu tình trạng “tham nhũng vặt”. Theo đó, các cơ quan Nhà nước cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, góp phần tích cực vào quá trình xây dựng Chính phủ kiến tạo và phục vụ với đội ngũ cán bộ, công chức tận tụy, chuyên nghiệp và liêm chính.

Ngoài ra, công tác thanh tra, kiểm tra phải lấy “xây” làm chính, không chỉ là hoạt động “tóm bắt, vạch mặt” mà còn phải chú trọng phát hiện những “lỗi hệ thống” dẫn đến cơ hội cho kẻ tham nhũng lợi dụng, giúp Đảng và Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, tạo ra một nền quản trị tốt “không thể tham nhũng”.



Ảnh: Internet

Trong thời gian tới, cùng với các lực lượng có chức năng phòng, chống tham nhũng khác, đội ngũ cán bộ thanh tra cần tiếp tục rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chiến đấu, trau dồi trình độ nghiệp vụ để đẩy mạnh cuộc chiến chống “quốc nạn tham nhũng”, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và kỳ vọng của nhân dân. Chống tham nhũng không chỉ cần có biện pháp mạnh mẽ, cần có “bàn tay sắt” mà trước hết phải có những “bàn tay sạch”, đấu tranh với những hành vi vi phạm bên ngoài nhưng người cán bộ thanh tra cũng phải đấu tranh với chính mình để miễn dịch với cám dỗ hàng ngày, hàng giờ trong trận chiến không tiếng súng nhưng cũng đầy cam go.

Những vụ việc tiêu cực thời gian vừa qua trong hoạt động thanh tra, thậm chí đến mức phải xử lý hình sự, đã cho chúng ta những bài học đắt giá về việc cần tăng cường giáo dục đạo đức, phẩm chất của người làm công tác thanh tra. Cùng với đó là việc tăng cường giám sát hoạt động thanh tra, nhất là hoạt động của đoàn thanh tra, những đơn vị trực tiếp đương đầu với khó khăn, cám dỗ và cả những sức ép

từ nhiều phía trong quá trình tìm ra sai phạm của đối tượng thanh tra để có thể kiến nghị xử lý những hành vi vi phạm.

Thông tư 05/2014/TT-TTTP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động, quan hệ công tác và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra và Thông tư 05/2015/TT-TTTP ngày 10/9/2015 của Thanh tra Chính phủ quy định về giám sát và hoạt động giám sát của đoàn thanh tra đang được nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung kịp thời. Một mặt, để nâng cao hiệu quả của các cuộc thanh tra, mặt khác, cũng hạn chế những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn và nhất là tăng cường giám sát để loại trừ những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng ngay trong chính hoạt động thanh tra.

Hiện nay, Dự thảo Luật Thanh tra năm 2010 (sửa đổi) cũng đã được Chính phủ chấp thuận để đề nghị Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng Luật và Pháp lệnh trong thời gian tới, trong đó có nội dung quan trọng là: “Tăng cường giám sát hoạt động của đoàn thanh tra; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi tiêu cực, sách nhiễu trong hoạt động

thanh tra, tránh lạm quyền, gây khó khăn phiền hà cho tổ chức cá nhân là đối tượng thanh tra”.

Nội dung này làm rõ hình thức kiểm soát (qua việc giám sát và kiểm tra) của người ra quyết định thanh tra với trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra, tránh việc lạm quyền trong quá trình thanh tra; làm rõ trình tự, thủ tục giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đồng thời, quy định cụ thể thẩm quyền giám sát của người ra quyết định thanh tra đối với trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra thông qua việc nghe báo cáo tiến độ, tiếp nhận và xử lý các thông tin, phản ánh của đối tượng thanh tra, của công luận báo chí..., quy định cụ thể hình thức kiểm tra, trình tự kiểm tra dấu hiệu vi phạm của trưởng đoàn, thành viên đoàn thanh tra...

Hy vọng những biện pháp quyết liệt sắp tới sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra bản lĩnh và liêm chính, là lực lượng đáng tin cậy trong công tác phòng, chống tham nhũng, xứng đáng với lời Bác kính yêu căn dặn: “Cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt”!



Quan điểm, giải pháp

nhằm bảo đảm việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

(Tiếp theo và hết)

 PGS.TS Vũ Thư

Viện Nhà nước và pháp luật

 Ths. Đinh Thị Hậu

Viện Nghiên cứu lập pháp

3. Các giải pháp bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

Có thể nói, Nhà nước đã có các quy định cơ bản về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu nói chung, người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng là: Tiêu chuẩn, phẩm chất, thủ tục bầu, bổ nhiệm, xác định nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu, chế tài đối với người đứng đầu. Tuy nhiên, chưa thể nói pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu đã hoàn hảo, hoàn chỉnh. Có thể đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Về vấn đề uy tín của người đứng đầu. Để có thể là người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, một trong những đòi hỏi để họ có thể nắm giữ vai trò lãnh đạo, quản lý ở cơ quan cần phải chỉ ra họ có uy tín trong tập thể. Tiêu chuẩn không phải là mới mẻ, vì nó được thể hiện trong quy trình, thủ tục bầu, bổ nhiệm người đứng đầu. Tuy nhiên, cần phải xác định rõ vấn đề này với tư cách một tiêu chuẩn để nó không thể bị bỏ qua. Nếu xác định rõ được người không có uy tín là như thế nào, thì ngay từ đầu có thể đã không cần tiến hành thủ tục bầu hay bổ nhiệm. Mặt khác, cần thấy nếu người đứng đầu không có uy tín thì cơ quan không thể hoạt động tốt được, và dễ có khả năng phát sinh vấn đề liên quan đến đoàn kết nội bộ trong cơ quan.



Ảnh: ST

Vấn đề người đứng đầu từ chức. Trong các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, có ý kiến đề nghị quy định về hình thức từ chức với tư cách là trách nhiệm chính trị, đạo đức và văn hóa cao nhất của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước⁽¹²⁾. Đây là đề xuất có cơ sở và nên được ghi nhận trong pháp luật. Nó là vấn đề rất bình thường ở nhiều nước, nhưng đối với nước ta lại là rất mới. Từ chức trong trường hợp này không phải là chế tài pháp lý mà là sự thể hiện trách nhiệm chính trị, trách nhiệm đạo đức cũng như nhân cách, lòng tự trọng của người đứng đầu cơ quan hành chính khi có các sự cố trong công vụ gây hậu quả xấu, tạo dư luận không tốt trong xã hội.

Vấn đề bảo lưu ý kiến của người đứng đầu. Với đặc điểm của nền chính trị ở nước ta, chỉ một đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nên có hiện tượng phổ biến người đứng đầu cơ quan hành chính đồng thời là Bí thư hay Phó Bí thư cấp ủy. Và do đặc điểm về tổ chức cơ quan hành chính các cấp, UBND hoạt động theo chế độ tập thể UBND kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch UBND. Với cả hai trường hợp này, xác định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính rất khó khăn, khó phân biệt đâu là trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu) với lãnh đạo của cấp ủy Đảng và tập thể Ủy ban. Vấn đề này hết sức khó và phức tạp khi cần xác định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.



Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng cần phân cấp mạnh thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước⁽¹³⁾. Có thể hiểu việc phân cấp này nhằm định rõ về trách nhiệm của người đứng đầu. Tuy nhiên, nếu chỉ để xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu mà phân cấp mạnh thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính thì khó chấp nhận. Mục tiêu chủ yếu của phân cấp thẩm quyền được xác định cho quản lý, theo nguyên tắc việc nào, cấp nào có thể giải quyết tốt nhất thì giao cho cấp đó. Mặt khác, cơ quan hành chính không thể tách khỏi sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng. UBND vẫn là tập thể, hoạt động kết hợp chế độ tập thể với trách nhiệm của Chủ tịch UBND. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có ý định để tất cả các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp hoạt động theo chế độ thủ trưởng hành chính như nhiều nước (ví dụ Trung Quốc). Trong tình hình như vậy, khó thoát ra được khỏi thực tế là luôn khó có thể xác định được trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước với trách nhiệm của cấp ủy Đảng, và trách nhiệm của người đứng đầu UBND với tập thể UBND. Để làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong các trường hợp kể trên, không thể sử dụng việc phân cấp mạnh thẩm quyền cho người đứng đầu. Giải pháp tốt nhất là ghi nhận trong pháp luật xác nhận chế độ bảo lưu ý kiến có tính pháp lý trong các hoạt động theo chế độ tập thể. Cùng với đó là xem xét việc thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu, đây sẽ là một cơ sở quan trọng để xác định rõ trách nhiệm của họ.

Cũng liên quan đến vấn đề xác định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước với tập thể, một số ý kiến đã liên hệ với nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong tất cả các cơ quan hành chính theo Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ chỉ có UBND

các cấp là cơ quan tập thể. Các cơ quan còn lại đều là cơ quan tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng hành chính. Nguyên tắc này về thực chất không phải là chế độ tập thể mà chủ nghĩa tập trung trên cơ sở dân chủ, nó không tạo ra rắc rối trong việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu với tập thể. Đối với UBND tổ chức theo chế độ Ủy ban và cơ quan hành chính tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng hành chính, trách nhiệm rất rõ về phía Ủy ban (cơ quan này hoạt động theo sự kết hợp tập thể Ủy ban với trách nhiệm của Chủ tịch UBND) và người đứng đầu cơ quan hành chính.

Về vấn đề trách nhiệm kỷ luật. Một số ý kiến cho rằng trách nhiệm kỷ luật hành chính đối với người đứng đầu có nhiều bất cập, cần phải được quy định cụ thể hơn. Kiến nghị này có thể xuất phát từ thực tế là chế tài ít được áp dụng hoặc áp dụng không nghiêm. Ở đây có hai vấn đề quan trọng nhất của chế định trách nhiệm kỷ luật hành chính cần xem xét là vi phạm kỷ luật và chế tài kỷ luật.

Tại Điều 10 của Luật Cán bộ, công chức quy định rất rõ về nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu. Nếu không thi hành đúng các quy định này, đó là vi phạm kỷ luật. Khi xem xét cụ thể về vi phạm kỷ luật đối với người đứng đầu sẽ phải xem xét nó trong các văn bản pháp luật như: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Còn chế tài kỷ luật hành chính đối với người đứng đầu, Điều 78 của Luật Cán bộ, công chức quy định đối với cán bộ là các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm, Điều 79 đối với công chức là các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc.

Như vậy, hai vấn đề căn bản của trách nhiệm kỷ luật đối với người đứng đầu là vi phạm kỷ luật của người đứng đầu và chế tài áp dụng đã được quy định trong pháp

luật. Chỉ khác là cách quy định về vi phạm kỷ luật và chế tài kỷ luật không giống và không rõ so với các quy định về tội phạm và hình phạt của pháp luật hình sự hay vi phạm hành chính và phạt hành chính. Trước hết là vấn đề xác định hành vi vi phạm kỷ luật của người đứng đầu. Điều 10 Luật Cán bộ, công chức đã quy định khái quát trách nhiệm của người đứng đầu. Chúng ta có thể hiểu khi người đứng đầu làm trái hoặc không thực hiện các nghĩa vụ đó là vi phạm kỷ luật (hoặc vi phạm pháp luật khác, nhưng chỉ giả định là vi phạm kỷ luật) và vi phạm cụ thể phải xem, tìm trong các văn bản pháp luật khác như chỉ ra ở trên. Ở đây xin chỉ nói rằng không có tính khả thi, nếu thực hiện việc quy định cụ thể các hành vi vi phạm kỷ luật. Chẳng hạn, đối với Chủ tịch UBND cụ thể nào đây vi phạm nghĩa vụ “chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao” thì sẽ phải xác định hành vi vi phạm kỷ luật cụ thể trong việc thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quản lý, cung ứng dịch vụ công, hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của UBND cấp đó trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật khác... Liệt kê càng cụ thể sẽ càng có khả năng không đầy đủ. Điều quan trọng là với các quy định tại Điều 10, đã cho ta nhận diện được vi phạm kỷ luật của người đứng đầu. Nếu cần, thì nên chọn việc tập hợp hoá các vi phạm kỷ luật từ các văn bản pháp luật khác nhau. Cùng với điều đó, sẽ rất hay, nếu Chính phủ, Bộ Nội vụ có các hướng dẫn về vấn đề trách nhiệm, áp dụng trách nhiệm đối với người đứng đầu.

Về các chế tài quy định ở các Điều 78 và 79 Luật Cán bộ, công chức đều được áp dụng đối với cán bộ, công chức là người đứng đầu. Trong đó, có các chế tài được áp dụng chung đối với cán bộ, công chức khác và có các chế tài chỉ riêng cho người đứng đầu như giáng chức, cách chức. Có ý kiến cho rằng chỉ áp dụng chế tài giáng chức, cách chức đối với người đứng đầu. Tuy nhiên, cần thấy, xét về phương diện lý luận và thực tiễn quy định pháp luật và áp dụng thì giữa chế



tài kỷ luật và vi phạm kỷ luật đối với người đứng đầu được xác lập theo nguyên tắc ngang bằng. Vi phạm nào, chế tài đó. Nếu như vi phạm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực tế có các mức độ khác nhau từ thấp đến cao thì chế tài kết luận cũng phải bao gồm các chế tài tương ứng từ thấp đến cao. Không thể mọi vi phạm kỷ luật dù rất nhỏ của người đứng đầu chỉ áp dụng hình thức giáng chức hoặc là cách chức. Hệ thống chế tài kỷ luật tham gia Luật Cán bộ, công chức nêu trên hiện nay có thể xem là đã hợp lý.

Có thể nói thêm, việc quy định cụ thể về vi phạm kỷ luật và chế tài kỷ luật là điều rất khó thực hiện và nếu thực hiện điều đó sẽ không có ý nghĩa thực tiễn là mấy. Không cần thiết phải làm công việc này. Thực ra thì lượng các chế tài kỷ luật không nhiều, không phức tạp như trong lĩnh vực trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính. Để áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với người đứng đầu, cần có những tri thức và kỹ năng phân tích văn bản, quy phạm pháp luật cần thiết cũng như khả năng đánh giá các khía cạnh pháp lý - chính trị của hành vi vi phạm và áp dụng chế tài tương ứng. Đây mới là khâu then chốt trong việc xử lý, áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước hiện nay.

Và sẽ rất tốt, nếu Chính phủ, Bộ Nội vụ thúc đẩy việc hình thành các “án lệ” ở lĩnh vực trách nhiệm kỷ luật nói chung đối với cán bộ, công chức và đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó có cơ quan hành chính Nhà nước.

Ba là, các giải pháp về tổ chức thực thi trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính.

Nhìn tổng thể, pháp luật hiện hành còn có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để hoàn chỉnh, nhưng vấn đề chủ yếu của chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan hành chính là vấn đề bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ

quan hành chính Nhà nước trên cơ sở pháp luật. Dưới đây là một số giải pháp bảo đảm thực thi trách nhiệm đó.

Trước hết, về tổ chức và nhân sự. Vấn đề đặt ra hiện nay là tinh giản bộ máy hành chính Nhà nước theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Việc thực hiện Nghị quyết cần quán triệt tinh thần đã được chỉ ra là: “*Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc xây dựng, kiện toàn tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế*”. Vấn đề chủ yếu ở đây sẽ là xem xét thu gọn cơ cấu bên trong của các bộ, ngành, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND. Cùng với việc giảm số lượng cơ quan hành chính, cũng cần tính đến khả năng giảm tối đa số cấp phó của người đứng đầu. Thu gọn các cơ quan như vậy làm giảm bớt số người đứng đầu. Cùng với điều đó, việc giảm số lượng cấp phó của các cơ quan hành chính Nhà nước sẽ làm cho việc thực thi trách nhiệm và kiểm soát tốt hơn việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan. Bên cạnh đó, các cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền khi xác định, hoàn chỉnh quy định về vị trí việc làm cũng cần xem xét việc quy định cụ thể, chính xác và rõ hơn trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người này.

Tiếp nữa, việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước chỉ có kết quả tốt khi thực hiện tốt được việc bầu, bổ nhiệm và duy trì được trách nhiệm tích cực của người đứng đầu trong suốt quá trình công vụ. Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình này, tuy nhiên, thực tiễn thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước cho thấy cần bảo đảm ở đây những yếu tố quan trọng sau: (1) Thực hiện dân chủ thực

sự của người dân, xã hội và cán bộ, công chức trong cơ quan đối với việc bầu, bổ nhiệm người đứng đầu cũng như đánh giá, giám sát đối với họ trong quá trình thực hiện công vụ. Có ý kiến rất đáng chú ý cho rằng cơ chế chọn người đứng đầu càng đơn giản, người đứng đầu càng tốt, ngược lại càng phức tạp càng loãng trách nhiệm người đứng đầu⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, cũng phải nói thêm rằng cơ chế càng dân chủ thì người đứng đầu càng tốt; (2) Cần có cơ chế duy trì trạng thái cạnh tranh đối với người đứng đầu cơ quan cũng trong quá trình bầu, bổ nhiệm và thực hiện chức năng, nghĩa vụ của người đứng đầu. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, khi người đứng đầu không có sức ép của cạnh tranh thì hoạt động khác với khi có sức ép đó. Trong xã hội hiện đại, đây là điều bình thường, thậm chí còn là động lực để cho con người phấn đấu trong mọi công việc.

Thứ hai, khuyến khích và hình thành thói quen, văn hóa từ chức của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước khi thấy không ổn trong việc thực hiện trách nhiệm người đứng đầu. Nếu nhìn ra các nước tiên tiến, chúng ta thấy đây là điều rất bình thường của lòng tự trọng, phản ánh tinh thần dân chủ, rất đáng để chúng ta nghiên cứu học tập. Pháp luật cần ghi nhận trạng thái pháp lý này và có những cố gắng hiện thực hoá, hình thành thói quen đối với người đứng đầu cơ quan khi thực hiện chức trách không tốt, không hiệu quả hay khi xảy ra các sự cố trong cơ quan cần thể hiện tinh thần liên đới trách nhiệm...

Thứ ba, nhiều ý kiến đúng khi cho rằng kiểm soát để người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước không sai phạm, vi phạm hay quan trọng hơn là phải xử lý⁽¹⁵⁾ và có những đề nghị tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với người đứng đầu⁽¹⁶⁾. Thực ra, đây là vấn đề bình thường của việc kiểm soát quyền lực Nhà nước trong các xã hội dân chủ, pháp quyền. Người ta kiểm soát quyền lực xuất phát từ các nguyên tắc là ở đâu có quyền lực thì ở đó có kiểm soát



quyền lực và logic quyền lực tuyệt đối thì tha hoá tuyệt đối. Đây cũng là vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta nhận thức rõ và thực hiện ngay từ khi Nhà nước ta ra đời từ năm 1945 đến nay. Nhưng vấn đề kiểm soát quyền lực Nhà nước, cụ thể là kiểm soát việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính rất hạn chế.

Trong hệ thống chính trị nước ta, có rất nhiều cơ chế kiểm tra, giám sát Nhà nước và xã hội đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Vấn đề là chúng ta có ý thức hoàn thiện và sử dụng tốt các cơ chế này. Thực tiễn cho thấy ai cũng có thể mắc sai lầm. Không có kiểm soát tốt đối với người đứng đầu thì không chỉ kết quả công việc không hiệu quả mà còn có thể dẫn đến các hành vi phạm pháp. Đó là những sai phạm không chỉ đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước cấp thấp mà đối với cả người đứng đầu bộ, ngành ở Trung ương, không chỉ là vấn đề trách nhiệm kỷ luật mà còn là vấn đề trách nhiệm hình sự.

Thứ tư, áp dụng nghiêm túc và đúng trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước. Trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu có nhiều loại khác nhau: Trách nhiệm hình sự, trách nhiệm vật chất, trách nhiệm bồi thường Nhà nước, nhưng trách nhiệm kỷ luật hành chính là hình thức được áp dụng phổ biến, thông thường gắn với công vụ nhất.

Bảo đảm thực thi trách nhiệm của người đứng đầu có nhiều biện pháp khác nhau: Giáo dục, tổ chức, đãi ngộ vật chất, thăng thưởng... nhưng cũng cần thiết phải áp dụng cả biện pháp trách nhiệm. Biện pháp này được áp dụng chỉ có tác dụng khi nó bảo đảm tính hợp pháp, công lý. Và quan trọng hơn, đối với người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, nó chỉ là biện pháp sau cùng được áp dụng khi các biện pháp khác đã không ngăn cản được hành vi vi phạm từ phía họ.

Thứ năm, cho đến nay, trong bộ máy Nhà nước nói chung, trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng, quốc nạn tham nhũng, các quan hệ lợi ích, thân hữu đã hiện hữu khá phổ biến và ăn sâu vào đời sống Nhà nước. Nhưng nguy hiểm nhất chính là tệ tham nhũng. Tại Đại hội lần thứ XII đầu năm 2016, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước và xã hội trong công tác đấu tranh tham nhũng⁽¹⁷⁾, nhưng cũng nhận định nguy cơ đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay là tệ tham nhũng đang diễn biến rất phức tạp⁽¹⁸⁾, nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước⁽¹⁹⁾. Đảng cũng chỉ ra rằng những kết quả của cuộc đấu tranh còn rất hạn chế, tham nhũng chưa được đẩy lùi⁽²⁰⁾, phòng, chống tham nhũng chưa đạt mục tiêu, yêu cầu, mới bước đầu kiểm chế, ngăn chặn tình trạng tham nhũng⁽²¹⁾. Như vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay ở nước ta mới chỉ ở thể phòng ngự, chưa thể chuyển sang thế tấn công. Đương nhiên, nhận định một cách thực tiễn thì điều này nhất định đang tác động đến vị trí và việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng phải được tiến hành có hiệu quả. Chỉ khi đó mới có thể bảo đảm được việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước tốt.

Thứ sáu, báo chí và các phương tiện truyền thông khác thực hiện vai trò với tư cách quyền lực thứ tư đặc biệt quan trọng trong việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, phê phán, vinh danh cán bộ, công chức nói chung, đặc biệt là đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó có cơ quan hành chính Nhà nước. Hình ảnh của người đứng đầu là sự phản ánh có tính đại diện năng lực, phẩm chất chung của cán bộ, công chức, viên chức, của bộ máy Nhà nước, hệ thống chính trị. Sự tham gia

khách quan, trung thực, hợp pháp của báo chí, các phương tiện truyền thông tập trung hơn vào đối tượng này, chỉ ra các mảng sáng tối, tiêu cực, tích cực chắc chắn sẽ bảo đảm có tác động mạnh đến việc thực thi trách nhiệm của người đứng đầu nói chung, người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng, đồng thời đến vai trò, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính, bộ máy Nhà nước, hệ thống chính trị./.

Chú thích:

(12) Ý kiến của ông Văn Tất Thu tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Khánh Chi, *Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu - tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”*, Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019);

(13) Ý kiến của ông Đỗ Hồng Hà tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Khánh Chi, *Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu - tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”*, Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019);

(14) Ý kiến của ông Nguyễn Hữu Khiển tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Lã Anh, *Hội thảo khoa học “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước”*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, ngày 03/5/2019);

(15) Ý kiến của ông Nguyễn Hải Long tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Khánh Chi, *Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu - tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”*, Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019);

(16) Ý kiến của ông Nguyễn Việt Trọng tại Hội thảo “Trách nhiệm người đứng đầu trong cơ quan hành chính Nhà nước” do Bộ Nội vụ tổ chức tại Hà Nội ngày 03/5/2019 (theo Khánh Chi, *Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu - tránh việc “công của tôi, lỗi của tập thể”*, Pháp luật Việt Nam (điện tử), ngày 03/5/2019);

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, 2016, tr. 79, 189, 196, 202, 211;

(18); (19); (20); (21) Đảng Cộng sản Việt Nam, *đd*, tr. 61, 68, 74, 183, 185.



Các hình thức chịu trách nhiệm; MỨC ĐỘ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

 TS. Trần Tuyết Mai

Viện Nghiên cứu lập pháp

1. Khái quát về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

Người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước (HCNN) là người thực hiện vai trò lãnh đạo, quản lý đối với cơ quan HCNN do mình đứng đầu.

Đứng trên nhiều góc độ, khi bàn về trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý Nhà nước nói chung và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN nói riêng cần xem xét đó là một chỉnh thể của hai nhóm yếu tố: (1) Nghĩa vụ, thẩm quyền đối với những việc nên làm, phải làm, được làm; (2) Việc chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện những việc nên làm, phải làm, được làm đó.

Nội hàm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN bao gồm những yếu tố sau:

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN mang tính xã hội sâu sắc;

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN là trách nhiệm cá nhân.

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN có tính bao quát, thể hiện trên các mặt như sau: Có nghĩa vụ đối với mọi vấn đề trong quá trình quản lý cơ quan; không chỉ có trách nhiệm về những hoạt động của bản thân trong thực hiện nghĩa vụ, quyền mà còn phải có trách nhiệm về những hoạt động của cán bộ, công chức dưới quyền trong thi hành nhiệm vụ (liên đới trách nhiệm); và phải có trách nhiệm



Ảnh: ST

với tư cách là một cán bộ, công chức bình thường, vừa phải có trách nhiệm với tư cách là người đứng đầu cơ quan HCNN. Nếu cùng một hành vi vi phạm pháp luật công vụ, so với các cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, thông thường mức độ trách nhiệm của người đứng đầu sẽ cao hơn một bậc.

- Người đứng đầu cơ quan HCNN không chỉ có trách nhiệm đối với nội bộ hệ thống các cơ quan trong bộ máy Nhà nước mà còn có trách nhiệm đối với xã hội.

Đặc biệt, đối với lĩnh vực được quan tâm hàng đầu hiện nay là phòng, chống tham nhũng (PCTN), tại Điều 5 Luật PCTN quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác PCTN như sau: (i) Chỉ đạo việc thực hiện các quy định: Tổ chức thực hiện văn bản

quy phạm pháp luật về PCTN; tiếp nhận, xử lý kịp thời báo cáo, tố giác, tố cáo và thông tin khác về hành vi tham nhũng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng; chủ động phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng; (ii) Gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng; (iii) Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.



Như vậy, người đứng đầu cơ quan HCNN, ngoài trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn như cán bộ, công chức, viên chức nói chung còn có những trách nhiệm riêng của vị trí người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao phụ trách.

2. Các hình thức chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN

Trong tổ chức bộ máy Nhà nước, cơ quan HCNN là một bộ phận cấu thành của bộ máy Nhà nước, thực hiện chức năng quản lý HCNN, được tổ chức thành hệ thống thống nhất từ trung ương tới địa phương. Người đứng đầu cơ quan HCNN thực hiện vai trò lãnh đạo quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan HCNN mà mình đứng đầu. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN là thực hiện đúng những điều nên làm, phải làm, được làm và chịu trách nhiệm về việc vi phạm những điều không được làm. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN được quy định trong các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy Nhà nước, về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tại Điều 6, Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về các hình thức trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước như sau: “Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu vi phạm chế độ trách nhiệm quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm, phải chịu một hoặc nhiều hình thức trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm kỷ luật;
- b) Trách nhiệm dân sự;
- c) Trách nhiệm vật chất;
- d) Trách nhiệm hình sự;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.”

Tiếp theo đó, Nghị định cũng giải thích rõ nội hàm các hình thức trách nhiệm. Cụ thể:

- *Trách nhiệm kỷ luật*: Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, nếu chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm phải bị xử lý kỷ luật. Việc xử lý kỷ luật phải tuân theo các quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

- *Trách nhiệm dân sự*: Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, gây thiệt hại, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến mức phải chịu trách nhiệm dân sự thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật phải bị xử lý về trách nhiệm dân sự. Việc xử lý trách nhiệm dân sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

- *Trách nhiệm vật chất*: Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nếu có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc gây ra thiệt hại về tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm hình sự*: Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ nếu phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 1999. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Mới đây nhất, Luật PCTN năm 2018 đã có một chương riêng, Chương IV quy định về chế độ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong PCTN; gồm có 4 điều, từ Điều 70 đến Điều 73. Luật đã sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hóa và đề cao vai trò của người đứng đầu.

Theo đó, Điều 70 của Luật quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong PCTN có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Luật này. Người đứng đầu phải gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về PCTN, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật này. Điều 72 Luật PCTN quy định, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới. Điều 73 Luật PCTN quy định: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Điều 72 của Luật này thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Khoản 2 Điều 72 của Luật này thì bị xử lý kỷ luật. Đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình, thì ngoài việc bị xử lý theo quy định của điều này còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.



Thực tế áp dụng cho thấy, quy định pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan HCNN thời gian qua chưa đủ mạnh và chưa hội đủ điều kiện cần thiết để đi vào cuộc sống. Trong các nhiệm kỳ Đại hội XI, XII yêu cầu “lãnh đạo phải gương mẫu hơn, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu hơn quần chúng, lãnh đạo càng cao càng phải gương mẫu” được nhấn mạnh và đã được cụ thể hóa trong một số văn bản như: Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương; Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

3. Mức độ, biện pháp xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

3.1. Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm

Nguyên tắc xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được pháp luật quy định lần đầu tiên tại Điều 4 Nghị định 107/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2013 với nội dung như sau:

“1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định này hoặc nếu có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý,

phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp vụ, việc tham nhũng xảy ra liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ, việc tham nhũng, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có người vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định tại Nghị định này”.

Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ. Khi xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cần thực hiện theo các nguyên tắc như: Căn cứ vào sự phân công, phân cấp quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới; căn cứ vào mối quan hệ công tác giữa trách nhiệm quản lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu với hành vi tham nhũng của người được phân công phụ trách, quản lý.

Tiếp theo đó, tại Nghị định số 157/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ cũng đưa ra một số nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu. Điều 12 Nghị định này nêu rõ: “Khi xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm, ngoài việc thực hiện các nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành, còn phải thực hiện các nguyên tắc sau:

1. Việc xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu phải được tiến hành một cách công minh, công khai,

khách quan, đúng pháp luật, đúng thủ tục, đúng tính chất và mức độ của hành vi vi phạm; không xử lý oan, sai; không để lọt hành vi vi phạm;

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu có cùng hành vi vi phạm pháp luật có tính chất và mức độ như nhau, thì người đứng đầu bị xử lý nặng hơn một mức so với cấp phó của người đứng đầu.”

Gần đây nhất, Luật PCTN 2018, tại Khoản 3 Điều 94 quy định về việc xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị một lần nữa khẳng định nguyên tắc xử lý nghiêm đối với trách nhiệm vi phạm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước: “Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét áp dụng tăng hình thức kỷ luật”.

(Còn nữa)

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Cán bộ, công chức;
2. Luật Viên chức;
3. Luật Phòng, chống tham nhũng;
4. Phạm Hồng Thái (2009), Chức vụ và thẩm quyền chức vụ trong cơ quan HCNN, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25, tr. 67-73;
5. Lê Như Thanh (2009), Cơ sở lý luận và thực tiễn về nghĩa vụ, quyền, trách nhiệm của người đứng đầu ở Việt Nam hiện nay, Luận án TS. Quản lý Hành chính công, Học viện Hành chính, Hà Nội;
6. Nguyễn Hữu Đồng, Phạm Thế Lực, Hoạt động lãnh đạo và quản lý của người đứng đầu cơ quan HCNN ở nước ta, Tạp chí Lý luận chính trị Online, ngày 24/7/2013;
7. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2010), Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan HCNN Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ năm 2009, Cơ quan chủ trì: Viện Nhà nước và Pháp luật, Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, Hà Nội;
8. Bùi Đức Lại, Về trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cán bộ, Tạp chí Xây dựng Đảng Online, ngày 3/6/2007;
9. TS. Nguyễn Minh Tú, Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước, Nguồn. www.nclp.org.vn.



Một số vấn đề đặt ra

trong chính sách xử lý đối với hành vi tham nhũng ở Việt Nam

 **TS. Nguyễn Thị Thu Nga**

Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra

Hiện nay, xử lý hành vi tham nhũng đang là một thách thức lớn khi chính sách, quy định về xử lý hành vi tham nhũng ở Việt Nam vẫn còn nhiều kẽ hở.

Trước hết, hệ thống pháp luật Việt Nam và hệ thống pháp luật ở những quốc gia ít tham nhũng có một điểm khác biệt đáng lưu ý là tại các quốc gia này, đã thực hiện hành vi tham nhũng thì sẽ bị xử lý về hình sự, các chế tài kỷ luật chỉ có ý nghĩa bổ sung cho chế tài hình sự, vì tham nhũng luôn bị quy định là tội phạm với bất kỳ mức độ nguy hiểm nào. Trong khi đó, ở Việt Nam, không phải hành vi tham nhũng nào cũng là tội phạm và bị xử lý hình sự. Việc xử lý hành vi tham nhũng còn có thể áp dụng các biện pháp xử lý kỷ luật hành chính, có nghĩa là tồn tại song song hai hình thức xử phạt chính là xử lý kỷ luật hành chính và hình sự tùy theo tính chất, mức độ của hành vi tham nhũng.

Các chế tài hình sự được quy định chi tiết trong Bộ luật Hình sự với những hình



phạt nghiêm khắc đối với tội phạm về tham nhũng, hình phạt chính bao gồm phạt tù có thời hạn, phạt tù chung thân hoặc tử hình, một số hình phạt bổ sung như phạt tiền, tịch thu tài sản... Kỷ luật hành chính có thể được áp dụng với 5 hành vi tham nhũng được quy định trong Luật PCTN mà không được quy định trong Bộ luật Hình sự, bao gồm: Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; những nhiễu vì vụ lợi; không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi. Các chế tài kỷ luật cụ thể được quy định trong các văn bản pháp luật hành chính, các nghị định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (CBCC), viên chức (Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức). Theo đó, CBCC bị xem xét kỷ luật bởi một hội đồng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị của CBCC chỉ định tạm thời thông qua các cuộc họp và bỏ phiếu kín. Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo cấp trưởng hoặc cấp phó. Các chế tài kỷ luật tương ứng với mức độ vi phạm như: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức, buộc thôi việc...

Việc tồn tại song song hai hình thức xử lý đã tạo ra những kẽ hở để bao che, nương nhẹ cho hành vi tham nhũng. Luật PCTN quy định thêm 5 hành vi tham nhũng mà Bộ luật Hình sự không quy định thành tội phạm tham nhũng dường như không hề có tác dụng trong việc răn đe và xử lý thêm nhiều hành vi tham nhũng mà còn mở ra lối thoát để một số hành vi đáng lẽ phải bị điều tra, xử lý hình sự theo quy định Bộ luật

Hình sự thì có thể được chuyển hóa nhẹ đi thành 5 hành vi còn lại theo quy định của Luật PCTN và xử lý theo các hình thức kỷ luật hành chính nhờ vào sự bao che của chính những cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong PCTN. Ví dụ hành vi tham ô tài sản (bị xử lý hình sự) và hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi (chỉ bị xử lý kỷ luật, hành chính) có ranh giới rất mong manh trong xác định, hành vi trước có thể bị chuyển thành hành vi sau để tránh bị xử lý về hình sự. Hay hành vi kê khai tài sản gian dối được quy định tại Luật PCTN chỉ có thể bị xử lý bằng các hình thức kỷ luật hành chính. Thực tế đã chứng minh điều này khi thời gian vừa qua, vẫn còn xảy ra sai phạm, tham nhũng trong chính các cơ quan bảo vệ pháp luật, một số cán bộ trong các cơ quan tư pháp có hành vi nhận hối lộ với mục đích bao che cho tội phạm tham nhũng. Đơn cử, năm 2018, cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao thụ lý điều tra 27 vụ/39 bị can án tham nhũng trong hoạt động tư pháp, trong đó án mới khởi tố trong kỳ là 21 vụ/29 bị can (bảng về số vụ cùng kỳ 2017).

Riêng hình thức xử lý kỷ luật hành chính như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức và buộc thôi việc cũng tiềm ẩn những nguy cơ nương nhẹ. Cán bộ, công chức sẽ bị xem xét kỷ luật bởi một hội đồng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị của người vi phạm chỉ định tạm thời thông qua các cuộc họp và bỏ phiếu kín. Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo cấp trưởng hoặc cấp phó. Tuy nhiên, hội đồng kỷ luật trong nội bộ khó có thể không có sự nể nang bởi mối quan hệ cá nhân, thân quen, sự bao che do đã từng nhận được lợi ích từ phía người thực hiện hành vi tham nhũng, nhất là khi tham nhũng trong tổ chức thường do các mối quan hệ nhóm lợi ích đan xen phức tạp và mang tính tập thể.

Các kẽ hở trong chính sách xử lý hành vi tham nhũng đã phần nào dẫn tới thực tế từ khi Luật PCTN năm 2005 được ban hành cho tới năm 2015, hầu như các nỗ lực chống tham nhũng đã không đem lại được

tác dụng gì thật đột phá, Đảng ta đã thừa nhận: “Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu; số vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện còn ít. Một số vụ việc xử lý còn kéo dài, chưa nghiêm... Nhiều vụ việc, vụ án có quy mô lớn chậm được phát hiện, khi phát hiện thì chậm kết luận và xử lý”, còn tình trạng hành vi tham nhũng có dấu hiệu tội phạm, nhưng chỉ xử lý kỷ luật hành chính, kinh tế. Ví dụ một số cán bộ với hàng loạt sai phạm, gây thất thoát lớn cho ngân sách Nhà nước, nhưng cũng chỉ bị kỷ luật với các hình thức cảnh cáo, cách chức, chuyển công tác, đã về hưu thì xoá tư cách chức vụ đã đảm nhiệm mà không bị đưa ra điều tra, xử lý về mặt hình sự. Một số vụ án tham nhũng, Tòa án quyết định hình phạt nhẹ hoặc lợi dụng các tình tiết về nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có thành tích xuất sắc, bồi thường thiệt hại, gia đình có công... để cho bị cáo hưởng án treo thiếu thuyết phục, kể cả với trường hợp là chủ mưu. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã từng thẳng thắn thừa nhận có những vụ tham nhũng lớn, một số cán bộ có liên quan, dính líu chưa được xét xử công minh. Tòa án nhân dân Tối cao cũng từng chỉ ra rằng các vụ án tham nhũng bị phát hiện ngày càng nhiều, gây thiệt hại lớn về kinh tế, gây bất bình trong xã hội, nhưng việc đưa ra truy tố, xét xử chưa đáp ứng được yêu cầu, hình phạt áp dụng đối với các bị cáo phạm tội tham nhũng đôi khi còn chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Điều này đã gây bức xúc trong dư luận một thời gian khá dài, xâm hại tới niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, hành vi “làm giàu bất chính” không được quy định trong Luật PCTN hoặc trong Bộ luật Hình sự là hành vi tham nhũng. Điều này là không theo khuyến nghị của Công ước của Liên hợp quốc về việc hình sự hóa hành vi này với tư cách là một tội phạm về tham nhũng. Lý do thường được các nhà hoạch định chính sách PCTN đưa ra là quy định này không phù hợp với bối cảnh pháp lý và thực tiễn ở Việt Nam khi rất khó để xác minh nguồn



gốc của tài sản, thu nhập, các văn bản pháp luật khác không tương thích, nguyên tắc “suy đoán vô tội” đang được áp dụng, nền kinh tế chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt và văn hóa gia đình nhiều thế hệ trong đó tài sản không được chia tách rõ ràng cho từng cá nhân. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, một số yếu tố này cũng đã diễn ra ở các nước, vùng lãnh thổ Châu Á khác như Hồng Kông, Singapore cách đây chưa lâu nhưng họ đã tỏ rõ quyết tâm trong cuộc chiến này thông qua việc hình sự hóa hành vi làm giàu bất chính hoặc có những biện pháp mạnh mẽ cho việc thu hồi tài sản tham nhũng. Chính vì vậy, hiệu lực của biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam còn rất hạn chế, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng tuy hàng năm đều tăng nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với số tài sản bị chiếm đoạt.

Từ năm 2005 đến năm 2018, tổng cộng các vụ án, vụ việc tham nhũng gây thiệt hại 66.275 tỷ đồng, 4.377.895 m² đất nhưng chỉ thu hồi được 7.373 tỷ đồng, 2.200.300 m² đất, kê biên 35 bất động sản, 03 căn nhà, 8 xe ô tô, phong tỏa 67.862 cổ phiếu. Tài sản tham nhũng trong một số vụ án bị tẩu tán, không thu hồi được do không phát hiện, truy tìm được tài sản, quá trình điều tra kéo dài, đối tượng phạm tội tẩu tán tinh vi dưới nhiều cách thức khác nhau. Quá trình xét xử thường chú trọng nhiều phần trách nhiệm hình sự của bị cáo mà chưa quan tâm đúng mức đến phần trách nhiệm dân sự và việc xử lý tang, tài vật.

Không thể phủ nhận những chuyển biến tích cực trong công tác xử lý hành vi tham nhũng thời gian 3 năm gần đây, với một loạt các vụ án lớn và nghiêm trọng, các quan chức cấp cao bị đưa ra xét xử. Nhưng điều này dường như không phải do pháp luật được sửa đổi chặt chẽ hơn mà do sự chỉ đạo quyết liệt, trực tiếp của Đảng, sự vào cuộc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 50-CT/TW ngày 7/12/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Đồng chí Tổng

Bí thư trực tiếp chỉ đạo Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN và đã có những tuyên bố thể hiện sự cương quyết trong việc xử lý tham nhũng “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”. Sau những động thái quyết liệt đó, nhiều vụ án tham nhũng lớn được đưa ra xét xử nghiêm minh và lấy lại niềm tin trong dư luận trong những năm từ 2016 tới 2019 như vụ án Đinh La Thăng (nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), Trịnh Xuân Thanh (nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang), vụ án Phan Văn Vĩnh (nguyên Trung tướng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an), Nguyễn Thanh Hóa (nguyên Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao C50, Bộ Công an)...

Chính vì vậy, thời gian tới cần sửa đổi chính sách, quy định liên quan đến xử lý hành vi tham nhũng cho chặt chẽ để tăng hiệu lực, hiệu quả của pháp luật thực định đối với việc xử lý hành vi tham nhũng, giảm dần lệ thuộc vào sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng, tỏ rõ hơn nữa quyết tâm của Việt Nam trong cuộc chiến chống lại vấn nạn này. Sửa đổi nên theo các hướng sau đây:

Trước hết, cần áp dụng chế tài xử lý hình sự đối với mọi hành vi tham nhũng, các biện pháp xử lý kỷ luật đối với hành vi tham nhũng cần được áp dụng như một hình thức bổ sung chứ không phải hình phạt chính đối với một số hành vi tham nhũng theo quy định của Luật PCTN như hiện nay. Giải pháp này được áp dụng sau khi thống nhất quy định về các hành vi tham nhũng tại hai văn bản là Bộ luật Hình sự và Luật PCTN. Thống nhất một biện pháp xử lý đối với hành vi tham nhũng là xử lý hình sự với các mức độ khác nhau là để tạo ra tính răn đe đối với hành vi tham nhũng và xóa bỏ các kẽ hở, hạn chế tạo ra bởi hình thức xử lý kỷ luật nội bộ do sự né tránh, bao che lẫn nhau, khắc phục tình trạng “hành vi tham nhũng có dấu hiệu tội phạm, nhưng chỉ xử lý kỷ luật hành chính, kinh tế” theo yêu cầu của Chỉ

thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị. Các hành vi khác có liên quan không được quy định là hành vi tham nhũng thì cần phải thể chế hóa vào các quy tắc ứng xử của CBCC hoặc quy định về phòng ngừa xung đột lợi ích để có hình thức xử lý kỷ luật cho phù hợp. Có như vậy, việc xử lý các hành vi tham nhũng mới đảm bảo tính nghiêm minh về lâu dài.

Thứ hai, hành vi tham nhũng, tội phạm tham nhũng mang tính đặc thù, nó không gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà chủ yếu gây nên thiệt hại trực tiếp về kinh tế, ảnh hưởng đến sự phát triển và ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội nên chính sách xử lý cũng cần xem xét lại các chế tài, chú trọng hơn đến cách thức, biện pháp để thu hồi tài sản thất thoát do hành vi tham nhũng gây ra. Vì vậy, cần bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội phạm về tham nhũng nhằm thể chế hóa triệt để hơn chủ trương của Đảng về hoàn thiện chính sách hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Theo đó, cần hoàn thiện chính sách xử lý người phạm tội theo hướng giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm chức vụ ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, cần bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ tại một số cấu thành cơ bản, nhằm tạo tính linh hoạt cho Tòa án xem xét áp dụng hình phạt phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

Đặc biệt, cần nghiên cứu tổng thể để tiến tới thể chế hóa quy định mang tính đột phá về việc tịch thu tài sản tham nhũng không dựa trên kết án hình sự. Theo đó, nghĩa vụ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của thu nhập, tài sản thuộc về người bị tình nghi phạm tội. Tất cả những thu nhập, tài sản không thể giải trình thỏa đáng về nguồn gốc được coi là tài sản bất minh và phải được thu hồi./.



Luật Thanh tra năm 2004 sau khi có hiệu lực đã góp phần tạo lập khung pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra. Tuy nhiên, qua triển khai thực hiện nhiều quy định của Luật Thanh tra năm 2004 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập. Để đáp ứng tốt nhiệm vụ thanh tra trong thời kỳ mới, ngày 15/11/2010 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Thanh tra mới, có hiệu lực vào ngày 01/7/2011. Luật Thanh tra năm 2010 đã có nhiều sự đổi mới, đáp ứng một phần kỳ vọng của người thực hiện công tác thanh tra nói riêng cũng như toàn xã hội nói chung với mong muốn xây dựng một nền tảng pháp lý cho sự cải tổ trong hoạt động thanh tra.

Mặc dù Luật Thanh tra năm 2010 đã có những tác động tích cực, giúp cho hoạt động của ngành Thanh tra thời gian qua đạt hiệu quả cao hơn, tuy nhiên qua khảo sát, đánh giá việc thực thi các quy định của Luật Thanh tra 2010 cho thấy, thực tế đã phát sinh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập trong hoạt động thanh tra.



Những bất cập

TRONG LUẬT THANH TRA 2010 VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

 Thanh Nga

Học viện Hành chính Quốc gia

Về định hướng, chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm

Thứ nhất, việc xây dựng, trình phê duyệt và ban hành kế hoạch thanh tra hàng năm khó đảm bảo thời hạn quy định. Thực tiễn thi hành cho thấy, dự thảo định hướng chương trình thanh tra hoàn thành và gửi Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/10 hàng năm nhưng phải chờ thời gian để Văn phòng Chính phủ thẩm định và làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý, do vậy việc ban hành văn bản hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ đối với thanh tra bộ, thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra khá gấp và chậm dẫn đến việc xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm của bộ, ngành, địa phương bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, khoảng thời gian để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra theo quy định là quá ngắn (chỉ từ 10 đến 15 ngày), không đủ thời gian, điều kiện để thu thập thông tin, tài liệu, nắm tình hình khảo



Ảnh: ST

sát để xây dựng kế hoạch thanh tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc khảo sát, nắm tình hình phụ thuộc vào công tác phối hợp và tiến độ phản hồi, cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khảo sát, dự kiến thanh tra, do vậy, với các mốc thời gian trên, các bộ, ngành, địa phương khó đảm bảo đúng quy định về thời hạn ban hành kế hoạch thanh tra.

Thứ hai, việc xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra có tình trạng trùng lặp, chồng chéo giữa cơ quan thanh tra với Kiểm toán Nhà nước, cụ thể trong hoạt động thanh tra về ngân sách, tài chính và sử dụng vốn đầu tư công. Nguyên nhân của tình trạng trên là do các quy định pháp luật về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra, nhất là Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước còn bất cập. Bên cạnh đó, sự chồng chéo trong hoạt động thanh tra cũng xuất phát từ việc Luật Thanh tra chưa đưa ra quy định thanh tra sở khi xây dựng kế hoạch thanh tra phải

căn cứ vào định hướng chương trình của thanh tra bộ; chưa quy định kế hoạch thanh tra của thanh tra sở sau khi được phê duyệt phải gửi cho thanh tra bộ để có sự điều chỉnh kịp thời, nếu có chồng chéo, trùng lặp; chưa có quy định điều chỉnh xử lý chồng chéo giữa kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ và thanh tra sở, ngành; quy định về xử lý chồng chéo trong trường hợp trùng lặp về đối tượng thanh tra, nội dung thanh tra nhưng bị điều chỉnh bởi kế hoạch thanh tra ở hai năm liền kề nhau.

Thứ ba, kế hoạch thanh tra hàng năm được xây dựng và phê duyệt từ cuối năm trước phải có đối tượng thanh tra cụ thể. Quy định này chỉ phù hợp với thanh tra hành chính mà không phù hợp với thanh tra chuyên ngành, bởi lẽ hoạt động thanh tra chuyên ngành phải được tiến hành thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Về thẩm quyền thanh tra

Thẩm quyền thanh tra đã được quy định cụ thể trong Luật Thanh tra năm 2010. Tuy nhiên, việc ra quyết định thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước nhiều trường hợp có ý kiến cho rằng chưa phù hợp yêu cầu thực tiễn. Theo quy định của Luật Thanh tra hiện hành, Thanh tra Chính phủ ra quyết định thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thanh tra bộ ra quyết định thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước do bộ trưởng thành lập và thanh tra cấp tỉnh ra quyết định thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Tuy nhiên, do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định này nên một số địa phương không xây dựng kế hoạch thanh tra đối với doanh nghiệp Trung ương đóng tại địa phương cho dù phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của doanh nghiệp. Thậm chí có trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai thuộc quyền quản lý của địa phương nhưng thanh tra tỉnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cũng không ra

quyết định thanh tra vì sợ vi phạm về thẩm quyền thanh tra đối với doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của Luật Thanh tra.

Về thời gian trong hoạt động thanh tra

Luật Thanh tra quy định thời gian thanh tra, nhất là thời gian xây dựng báo cáo và kết luận thanh tra tối đa 30 ngày là chưa phù hợp với thực tế, thiếu tính khả thi trong nhiều trường hợp, nhất là các cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ, thanh tra bộ tiến hành. Thực tế, sau khi kết thúc thanh tra trực tiếp, đoàn thanh tra phải có nhiều thời gian để tổng hợp số liệu, đối chiếu quy định, xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, báo cáo người ra quyết định thanh tra, xây dựng dự thảo kết luận, lấy ý kiến của các cơ quan chức năng, ý kiến giải trình của đối tượng thanh tra để hoàn thiện dự thảo kết luận thanh tra. Người ký kết luận thanh tra cũng cần có thời gian để cân nhắc các khía cạnh khác nhau của dự thảo.

Về hình thức thanh tra

Theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2010, có 3 hình thức thanh tra gồm: Thanh tra theo kế hoạch, thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức thanh tra thường xuyên, dẫn đến trong thời gian thi hành Luật Thanh tra năm 2010, các bộ, ngành, địa phương đều chưa thực hiện hình thức thanh tra này. Đối với thanh tra đột xuất, theo quy định, thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc do thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền giao. Tuy nhiên, quy định của pháp luật về thanh tra hiện nay chưa đưa ra quy định cụ thể tính chất, mức độ vi phạm pháp luật làm căn cứ tiến hành thanh tra; chưa xác định được rõ các yêu cầu, nhiệm vụ của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Ngoài ra, pháp luật về thanh tra cũng chưa quy định, hướng dẫn đối với thanh tra chuyên đề, thanh tra diện rộng nên trong thực tiễn thi hành còn gặp khó khăn, vướng mắc.



Ngoài ra, đối với hoạt động thanh tra liên ngành, Luật Thanh tra năm 2010 chưa có quy định, hướng dẫn về hoạt động thanh tra này. Hoạt động thanh tra liên ngành được đề cập, tại Khoản 3, Điều 19; Khoản 4, Điều 20 và Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra. Tuy nhiên, các quy định này còn rất mờ nhạt, chưa quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của thành viên của các cơ quan được cử tham gia đoàn thanh tra liên ngành.

Về trình tự, thủ tục thanh tra

Luật Thanh tra năm 2010 chỉ quy định trong quá trình thanh tra, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, công chức thanh tra chuyên ngành được xử phạt vi phạm hành chính còn việc xử phạt thế nào lại do pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định. Điều này làm cho các cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành nhiều khi lúng túng khi mà pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa quy định, hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Bên cạnh đó, do đặc thù của một số bộ, sở, ngành nên khi tiến hành thanh tra phải tiến hành trên diện rộng, vì nội dung, phạm vi, tính chất thanh tra với nhiều đối tượng về cơ bản là giống nhau. Do đó, việc ra quyết định thanh tra thường là quyết định thanh tra chung cho nhiều đối tượng và khi kết luận thì ra kết luận thanh tra chung. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thanh tra hiện hành, nội dung này cũng chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể nên dẫn đến việc thực hiện ở nhiều nơi rất khác nhau, làm giảm hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành. Ngoài ra, việc sử dụng con dấu trong hoạt động thanh tra, việc phong tỏa tài khoản, việc công khai kết luận thanh tra... và việc xây dựng kế hoạch thanh tra cũng chưa có sự thống nhất, chưa được hướng dẫn cụ thể đang là nguyên nhân gây khó khăn cho công tác thanh tra hiện nay.

Về hoạt động giám sát đoàn thanh tra

Hoạt động giám sát đoàn thanh tra có mục đích sẽ giúp đoàn thanh tra chấp hành tốt hơn quy chế hoạt động của đoàn, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra, nhưng trong quá trình áp dụng quy định giám sát hiện nay gặp khó khăn do số lượng biên chế của cơ quan thanh tra hạn chế, trong khi đó cùng một thời điểm phải tổ chức rất nhiều cuộc thanh tra, dẫn đến không có người tổ chức giám sát vì thế mà chỉ mang tính hình thức không đảm bảo tính chính xác. Ngoài ra, pháp luật về thanh tra mới chỉ quy định nội dung giám sát, chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tiến hành giám sát.

Về quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra

Pháp luật về thanh tra chưa có quy định chế tài xử lý khi đối tượng thanh tra không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định pháp luật, do vậy, việc yêu cầu các đối tượng thanh tra thực hiện nghĩa vụ hiện nay còn gặp nhiều khó khăn.

Để khắc phục những bất cập, vướng mắc trên, cần nghiên cứu quy định cụ thể thời gian phê duyệt kế hoạch thanh tra của từng cấp, cần điều chỉnh thời gian phê duyệt và ban hành kế hoạch thanh tra hằng năm theo hướng tăng thời hạn thực hiện của địa phương so với cấp Trung ương. Để đảm bảo đúng thủ tục, hạn chế chồng chéo và đúng định hướng, việc định hướng chương trình thanh tra phải được phê duyệt sớm hơn và cấp trên phê duyệt trước cấp dưới. Quy định cụ thể việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra giữa các bộ ngành, giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện; quy định xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm toán, nhất là doanh nghiệp; quy định cụ thể hơn về đối tượng thanh tra, nội dung thanh tra trong thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành tránh chồng chéo trong hoạt động. Mặt khác, để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động

thanh tra, các bộ, ngành, nhất là Thanh tra Chính phủ trong thời gian tới cần phải rà soát, đánh giá lại các văn bản pháp luật có quy định về thanh tra thuộc thẩm quyền của mình để tiến hành việc sửa đổi, bổ sung kịp thời theo nguyên tắc phù hợp với quy định của Luật Thanh tra năm 2010 và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay về thanh tra. Trong đó, cần tập trung nghiên cứu làm rõ các vấn đề liên quan tới thẩm quyền thanh tra doanh nghiệp Nhà nước, công khai kết luận thanh tra... giám sát trong hoạt động thanh tra.

Bên cạnh đó, cần tăng thời gian xây dựng báo cáo và ra kết luận thanh tra, ít nhất là bằng thời gian thanh tra trừ các trường hợp thanh tra đột xuất, thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc thanh tra phục vụ các yêu cầu cấp bách trong quản lý Nhà nước. Nghiên cứu thay đổi quy định về tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan thanh tra theo hướng có tính độc lập cao hơn như quy định trong Luật Thanh tra năm 2010 để tránh việc cơ quan thanh tra phụ thuộc quá nhiều vào thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp. Quy định cụ thể hơn nữa về đối tượng thanh tra, nội dung thanh tra do thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra cũng như đối tượng, nội dung do thanh tra hành chính tiến hành thanh tra kinh tế - xã hội và thanh tra việc chấp hành pháp luật để tránh chồng chéo hoặc bỏ lọt các vi phạm không thanh tra. Đồng thời, cần nghiên cứu ban hành Nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thanh tra, trong đó quy định cụ thể về chế tài xử lý đối với đối tượng thanh tra không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Thực tiễn cho thấy, việc giám sát hoạt động đoàn thanh tra không phù hợp với nhiều tổ chức, đơn vị thanh tra, nhất là những nơi có lực lượng thanh tra còn mỏng, tính chất cuộc thanh tra còn đơn giản. Do vậy, việc nghiên cứu để luật hóa hoặc bãi bỏ quy định này nhằm đảm bảo tính khả thi, tránh hình thức là hết sức cần thiết./.



Một số kiến nghị nâng cao hiệu lực, hiệu quả TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA LẠI

 **Nguyễn Thị Ngọc Xinh**

Thanh tra tỉnh Cà Mau

Chế định thanh tra lại lần đầu tiên được quy định chính thức trong Luật Thanh tra năm 2010, với những quy định khởi nguồn từ chế định phúc tra được quy định tại Pháp lệnh Thanh tra 1990. Lịch sử hình thành và phát triển của chế định thanh tra lại đã ghi nhận sự cần thiết, vai trò của nó trong hoạt động thanh tra như một phương thức kiểm soát quyền lực đối với hoạt động thanh tra, như một cơ chế quan trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng thanh tra trong loại trừ hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể thanh tra. Tuy nhiên, các quy định điều chỉnh đối với hoạt động thanh tra lại hiện nay đang tồn tại một số điểm bất cập trên cả phương diện lý luận, thẩm quyền và thời hiệu tiến hành, đã làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả thanh tra. Về lý luận, không xác định được thanh tra lại thuộc loại hình nào của thanh tra Nhà nước. Về thẩm quyền, việc thanh tra lại chưa bao phủ đối với tất cả các kết quả thanh tra, bên cạnh đó, pháp luật thanh tra chưa có quy định đầy đủ cho quy trình tiến hành một cuộc thanh tra lại.

Thanh tra lại, đặc trưng và loại hình thanh tra lại

Khái niệm chung về thanh tra lại

Xét dưới khía cạnh về kiểm soát quyền lực Nhà nước, các quyết định hành chính,



Thanh tra tỉnh Cà Mau công bố Quyết định thanh tra tại Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau. Ảnh: P.V

hành vi hành chính đều có thể được xem xét lại bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo một trình tự, thủ tục pháp luật quy định khi các quyết định, hành vi đó có căn cứ cho rằng vi phạm tính hợp pháp và chưa bảo đảm tính hợp lý, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu tác động trực tiếp của quyết định đó trên cơ sở các yêu cầu của khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh hoặc qua kết quả giám sát (giám sát hoạt động của đoàn thanh tra), trong việc thanh tra trách nhiệm của cơ quan Nhà nước cấp trên đối với cơ quan Nhà nước cấp dưới. Trong trường hợp này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính của cơ quan ban

hành quyết định và có thể là cả cơ quan cấp trên. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất, người đã ký kết luận thanh tra tự xem xét lại kết luận của mình khi phát hiện có sai sót, vi phạm pháp luật trong tiến hành hoạt động thanh tra. Hơn nữa, hoạt động thanh tra khi được thực hiện qua phương thức đoàn thanh tra, người ban hành kết luận thanh tra không phải tất cả các trường hợp đều có đầy đủ thông tin hoặc tham gia quá trình tiến hành thanh tra. Vì vậy, việc quy định cho người ký kết luận thanh tra được xem xét lại kết luận là phù hợp trong hoạt động thanh tra.



Trường hợp thứ hai, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền khác tiến hành xem xét, đánh giá, xử lý lại toàn bộ vụ việc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng, làm sai lệch bản chất vụ việc. Trong trường hợp này, không thể giao cho cơ quan có thẩm quyền đã thanh tra trước đó thực hiện tự xem xét lại, mà phải là cơ quan cấp trên sẽ xem xét, đánh giá, xử lý toàn bộ vụ việc. Với trường hợp này, có thể nói, về bản chất là hoạt động thanh tra lại.

Vì vậy, thanh tra lại được tiến hành khi phát hiện vụ việc thanh tra trước đó (đã có kết luận thanh tra) có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật được xác định trên các cơ sở: Tính trái pháp luật của hành vi được thực hiện như thành viên đoàn thanh tra đã vi phạm pháp luật thanh tra; tính có lỗi của người thực hiện hành vi vi phạm, cố ý thực hiện hành vi vi phạm có bàn bạc để làm sai lệch hồ sơ, bỏ qua sai phạm... và cấu thành đầy đủ các yếu tố của vi phạm pháp luật.

Tổng quát lại cho thấy, thanh tra lại là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo quy định pháp luật thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó việc xem xét, đánh giá, xử lý đã được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước trực thuộc nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, làm thay đổi sai lệch bản chất vụ việc.

Về đặc trưng của thanh tra lại

Thanh tra lại là phương thức quan trọng trong quản lý Nhà nước về công tác thanh tra. Thanh tra lại giúp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện, xem xét, đánh giá và xử lý, kiến nghị xử lý những vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động công vụ - thanh tra. Thêm vào đó, thanh tra lại là phương thức hữu hiệu

trong việc kiểm soát quyền lực của cơ quan thanh tra, bảo đảm tính hợp pháp, ngăn ngừa việc lạm quyền, lạm quyền hoặc không thực hiện đúng quyền lực của thanh tra viên cũng như đối với hoạt động của đoàn thanh tra dựa trên các căn cứ của thanh tra lại. Thanh tra lại có mối quan hệ mật thiết với kiểm tra, thanh tra trách nhiệm, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra.

Thanh tra lại là một phần trong các hoạt động thanh tra Nhà nước bởi chủ thể tiến hành là các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về loại hình, thanh tra Nhà nước chỉ bao gồm thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Vấn đề đặt ra là thanh tra lại không thuộc loại hình nào trong hai loại hình của thanh tra Nhà nước.

Đối tượng của hoạt động thanh tra hành chính là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ trực thuộc hoặc thuộc quyền quản lý trực tiếp. Thanh tra lại không thuộc loại hình thanh tra hành chính, đối tượng của thanh tra lại thường không có quan hệ về mặt trực thuộc.

Trong thực tế hoạt động thanh tra lại, Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra vụ việc đã được chánh thanh tra tỉnh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Các đối tượng thuộc quyền tiến hành thanh tra của thanh tra tỉnh bao gồm cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, UBND cấp huyện và doanh nghiệp Nhà nước do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập. Các đối tượng này có quan hệ trực thuộc đối với UBND cấp tỉnh chứ không có quan hệ trực thuộc đối với Thanh tra Chính phủ hay Chính phủ. Thanh tra lại cũng không thuộc loại hình thanh tra chuyên ngành. Hoạt động thanh tra lại do nhiều cơ quan thực hiện trong đó có cả Thanh tra Chính phủ và thanh tra tỉnh. Tuy nhiên, hai cơ quan này không có thẩm quyền thực hiện hoạt động thanh tra chuyên ngành. Thanh tra chuyên

ngành phải được thực hiện bởi các cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

Từ phân tích trên, có thể thấy rằng, hoạt động thanh tra lại có đặc thù riêng, mang tính chất kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới đã vượt khỏi khuôn khổ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Do đó, cần xác định, đây là loại hình thanh tra riêng biệt nhằm kiểm tra lại hoạt động của thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Xuất phát từ sự lẫn lộn giữa các loại hình như vậy mà thực tế Luật Thanh tra chưa có quy định về thẩm quyền, thủ tục của thanh tra lại.

Thực trạng quy định pháp luật về thanh tra lại

Theo quy định của pháp luật thanh tra, việc thanh tra lại được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây: Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong tiến hành thanh tra; có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận thanh tra; nội dung kết luận thanh tra không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình tiến hành thanh tra; người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, thanh tra viên, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận trái pháp luật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng thanh tra chưa được phát hiện đầy đủ qua thanh tra.

Pháp luật Thanh tra quy định thủ trưởng các cơ quan thanh tra Nhà nước, từng trường hợp có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền quyết định hoặc tự mình ra quyết định thanh tra lại. Tuy nhiên, còn nhiều bất cập đang tồn tại trong thực tiễn áp dụng, cần khắc phục trong thời gian tới. Cụ thể, thiếu sự đồng bộ giữa Luật Thanh tra năm 2010 với các văn bản hướng dẫn như thẩm quyền thanh tra lại quy định trong Luật Thanh tra năm 2010 chỉ nêu thanh tra lại đối với kết luận của thủ trưởng



cơ quan quản lý Nhà nước cấp dưới, mà không quy định việc thanh tra lại kết luận của thủ trưởng cơ quan thanh tra cấp dưới, trong khi đó Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ đã bổ sung đầy đủ đối tượng của thanh tra lại.

Thiếu quy định việc thanh tra lại đối với kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra của thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc tổng cục hoặc thuộc cục, còn chồng chéo và có nhiều văn bản hướng dẫn có hiệu lực khác nhau trên cùng một công tác.

Mặt khác, thẩm quyền thanh tra lại của Thanh tra Chính phủ, thanh tra tỉnh chưa hợp lý. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra lại và đối tượng bị thanh tra lại được xác định theo mối quan hệ cấp trên, cấp dưới hoặc chịu sự quản lý chứ không chú trọng đến nội dung bị thanh tra lại trong mối quan hệ với thẩm quyền của cơ quan tiến hành. Điều này dẫn đến có sự mâu thuẫn nhất định trong hoạt động thanh tra lại và quan trọng hơn là sẽ rất khó khăn trong việc thực hiện hoạt động này. Thậm chí, có thể làm mất đi hiệu quả và ý nghĩa của hoạt động thanh tra lại bởi không nắm được về hoạt động chuyên môn.

Thực tế, hoạt động thanh tra do thanh tra sở thực hiện chỉ do thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra lại. Trong khi đó, về hoạt động thanh tra, thanh tra sở được thực hiện cả hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Vấn đề đặt ra là, nếu hoạt động do thanh tra sở thực hiện là thanh tra chuyên ngành thì việc thanh tra lại thuộc thẩm quyền của thanh tra tỉnh sẽ bất hợp lý. Xét về phạm vi quản lý Nhà nước, thanh tra tỉnh là cơ quan quản lý Nhà nước trong phạm vi thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thì nội dung cuộc thanh tra chuyên ngành trước đó do thanh tra sở thực hiện không nằm trong phạm vi quản lý của thanh tra tỉnh.

Hoạt động thanh tra do Thanh tra Chính phủ tiến hành không thuộc diện được thanh tra lại. Mặc dù Thanh tra Chính phủ là cơ quan thanh tra cấp cao nhất nhưng việc quy định kết luận thanh tra của cơ quan này không bị thanh tra lại là rất bất hợp lý. Như đã trình bày, một hoạt động tài phán cần có cơ chế kiểm tra lại để đảm bảo có thể khắc phục được những sai sót có thể xảy ra.

Về quyết định thanh tra lại và nội dung thanh tra lại, Quyết định thanh tra lại bao gồm các nội dung quy định tại Luật Thanh tra nhưng phải ghi rõ phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra lại. Chậm nhất là 5 ngày, kể từ ngày ký quyết định, người có thẩm quyền thanh tra lại phải gửi quyết định thanh tra lại cho người đã ký kết luận thanh tra, đối tượng thanh tra lại. Quyết định thanh tra lại phải được công bố chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày ký và phải được đoàn thanh tra lập biên bản.

Về đối tượng thanh tra lại, có thể khẳng định, đối tượng thanh tra lại cũng chính là đối tượng của cuộc thanh tra “đi” vì bản chất của thanh tra lại là “tìm lại bản chất của vụ việc thanh tra chưa được làm sáng tỏ thông qua hoạt động thanh tra lại”. Như vậy, pháp luật thanh tra lại cần xác định rõ đối tượng của thanh tra lại, là tìm sự thật khách quan mà vụ việc thanh tra trước đó chưa được xem xét, đánh giá và xử lý khách quan, đúng pháp luật và quy trình tiến hành thanh tra lại, sự thay đổi trong hậu quả pháp lý của báo cáo kết quả thanh tra lại, kết luận thanh tra lại đang là những vấn đề rất cơ bản còn chưa được cụ thể, còn thiếu những văn bản pháp quy để quy định chi tiết bảo đảm tính khả thi trong thực trạng thực thi pháp luật về thanh tra lại. Tuy nhiên, cần phải quy định rõ ràng về thời hiệu và số lần thanh tra lại một cách rõ ràng bằng luật hay văn bản dưới luật, do nguồn lực thanh tra luôn hạn chế, hàng năm không thể thực hiện được việc thanh tra tất cả các đối tượng thuộc quyền quản

lý của mình mà chỉ mang tính xác suất, do đó, cần tập trung để thực hiện các hoạt động sao cho thiết thực, hiệu quả hơn, tránh tình trạng dồn lực lượng thanh tra lặp lại nhiều lần với cùng một đối tượng và cùng một nội dung.

Về báo cáo kết quả thanh tra lại, báo cáo kết quả thanh tra lại được thực hiện theo quy định tại Luật Thanh tra. Đối với trường hợp phát hiện có hành vi tham nhũng, trong báo cáo kết quả thanh tra phải nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để xảy ra hành vi tham nhũng theo các mức độ sau đây: Yếu kém về năng lực quản lý; thiếu trách nhiệm trong quản lý; bao che cho người có hành vi tham nhũng; phải nêu rõ quy định của pháp luật làm căn cứ để xác định tính chất, mức độ vi phạm, kiến nghị biện pháp xử lý.

Nội dung báo cáo kết quả thanh tra lại phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiến hành thanh tra, kết luận thanh tra. Mặt khác, với việc làm rõ sai phạm của đối tượng thanh tra, thì một trong những nội dung đặc thù của báo cáo kết quả thanh tra lại cần xác định rõ hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm của cơ quan, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, người ký kết luận thanh tra trong quá trình thanh tra và ra kết luận thanh tra.

Về kết luận thanh tra lại, kết luận thanh tra lại được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra. Kết luận thanh tra lại phải làm rõ, xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiến hành thanh tra, kết luận thanh tra và kiến nghị biện pháp xử lý. Đây là điểm thể hiện đặc trưng của nội dung kết luận thanh tra lại, kiến nghị xử lý đối với đoàn thanh tra cũng như người có thẩm quyền liên quan phải chịu trách nhiệm khi thực hiện hành vi vi phạm



pháp luật trong quá trình thanh tra và ra kết luận thanh tra. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra lại, người ra quyết định thanh tra lại phải gửi kết luận thanh tra lại cho thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp, cơ quan thanh tra Nhà nước cấp trên.

Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hoàn thiện pháp luật về thanh tra lại

Một là, các quy định về thẩm quyền thanh tra vẫn tồn tại những mâu thuẫn chồng chéo, không thống nhất nhau giữa các điều luật trong cùng một văn bản hoặc giữa văn bản chung về thanh tra với văn bản quy định về thanh tra chuyên ngành. Bản thân các điều luật thiếu tính cụ thể làm giảm tính hiệu quả và tính khả thi trong quá trình áp dụng pháp luật về thanh tra lại. Do đó, đây là một điểm quan trọng đặt ra trong quá trình hoàn thiện pháp luật về thanh tra để nâng cao tính hiệu quả cho hoạt động thanh tra.

Hai là, hoạt động thanh tra lại vừa mang những đặc điểm nói chung của hoạt động thanh tra, nhưng lại có các dấu hiệu đặc trưng riêng đã được trình bày ở phần trên. Do vậy, hoạt động này cũng cần được luật hóa dưới dạng yêu cầu của quy trình thanh tra lại, để giúp bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, tính bắt buộc chung, tính chuyên nghiệp trong hoạt động công vụ - thanh tra lại, trên cơ sở đó cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật độc lập hoặc bổ sung thêm quy định cụ thể hóa quy trình thanh tra lại trong Thông tư 05/2014/TT-TTCTP của Thanh tra Chính phủ.

Ba là, nâng cao năng lực cho cơ quan thanh tra trong phương thức và triển khai thực hiện hoạt động thanh tra lại như xử lý các vướng mắc về quy trình và nghiệp vụ thanh tra lại. Mặt khác, cần triển khai cụ thể hóa chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt cả về thanh tra lại.

Bốn là, để đáp ứng yêu cầu trên, các cơ quan thanh tra cần kiện toàn tổ chức bộ máy, phản ánh mối quan hệ giữa tổ chức và hoạt động trong cơ quan thanh tra, tổ chức như thế nào sẽ ảnh hưởng đến hoạt động như thế đó. Cơ quan thanh tra cần phải sớm có một bộ phận hoặc giao thêm nhiệm vụ làm đầu mối tham mưu, tư vấn để triển khai thanh tra lại.

Năm là, yếu tố quyết định linh hồn của cơ quan thanh tra nói chung và hoạt động thanh tra, thanh tra lại là chất lượng đội ngũ công chức, thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra lại. Vì phạm vi thanh tra khá rộng, trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước, vừa rộng lại phải sâu, do đó, đặt ra yêu cầu cao về kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trải nghiệm công vụ đối với công chức, thanh tra viên, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành. Đây là bài toán về nhân sự đối với ngành Thanh tra trong thời gian tới.

Thanh tra lại là một chế định mới trong Luật Thanh tra năm 2010 nhưng đã khẳng định tầm quan trọng trong hệ thống pháp luật thanh tra. Do đó, cần phải làm rõ loại hình của thanh tra lại, xác định chính xác nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn cũng như cơ cấu tổ chức của các cơ quan thanh tra Nhà nước và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Trong đó, cần phải tập trung sửa đổi quy định của Luật Thanh tra, đảm bảo tính thống nhất, toàn diện trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật./.

NƠI CHIẾN TRƯỜNG XƯA

Kỉ niệm ngày giải phóng Miền Nam 30/4

Nơi đây các anh ngã xuống
Trăng ngàn thao thức rừng khuya
Mảnh đất đạn bom một thuở
Lúa lên xanh mướt ngày mùa

Nơi đây chiến hào xưa ấy
Ngôi trường mái ngói hồng tươi
Đàn em lật trang vở mới
Nhớ người ngã xuống khôn nguôi

Từng hàng cây, từng mái phố
Con đường đất đỏ ngàn sâu
Các anh đi không trở lại
Bâng khuâng bến nước, nương dâu

Nơi bao người con ngã xuống
Đất lành ngan ngát hương hoa
Mây trời kết màu ngũ sắc
Ru anh những tháng năm xa.

Lê Hiếu Trung



Ảnh: ST



Nâng cao năng lực của ngành Quản lý thị trường góp phần quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay

 **Ths. Lê Quang Kiệt**

Cục QLTT tỉnh Đồng Nai

Theo ước tính của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), giá trị hàng giả trên toàn thế giới sẽ vượt 2.000 tỷ USD trong tương lai, tương đương 3% GDP toàn cầu và số lượng hàng giả, hàng nhái chiếm 5-7% tổng doanh số kinh doanh thế giới^(*). Xét về góc độ kinh tế, việc sản xuất và buôn bán hàng giả ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính, khiến uy tín của doanh nghiệp xấu đi trong mắt người dùng và gây hiểu lầm, dẫn đến việc quay lưng lại với sản phẩm. Mặt khác, việc sản xuất, buôn bán hàng giả ảnh hưởng xấu đến phát triển sản xuất lưu thông hàng hóa trong nước, gây thiệt hại quyền lợi của người tiêu dùng, thậm chí có thể ảnh hưởng đến tính mạng con người... Vì vậy, việc nâng cao năng lực của ngành Quản lý thị trường (QLTT) nhằm quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả trong điều kiện hiện nay trở nên hết sức cấp bách và cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh Nghị viện châu Âu chính thức phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Liên minh châu Âu với Việt Nam (EVIPA) vào ngày 12/2/2020.

Sản xuất hàng giả được hiểu là hành vi làm (tạo) ra những sản phẩm, hàng hoá có nhãn hàng hoá, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, nguồn gốc, xuất xứ



Ảnh: Internet

hàng hoá giống như những sản phẩm, hàng hoá được Nhà nước cho phép sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ trên thị trường, gây nhầm lẫn hoặc để lừa dối khách hàng hoặc làm ra những sản phẩm hàng hoá giả chất lượng hoặc công dụng. Còn buôn bán hàng giả, được hiểu là hành vi mua hàng biết rõ là hàng giả với giá rất rẻ và dùng các thủ đoạn gian dối để bán cho khách hàng với giá của hàng thật.

Thực trạng công tác quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả hiện nay tại Việt Nam

Tại Diễn đàn “Thực trạng hàng giả, hàng nhái tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp” do Tổng cục QLTT, Bộ Công thương

phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức vào ngày 26/11/2019 tại Hà Nội, các đại biểu đã trao đổi, thảo luận nhằm đưa ra các giải pháp về phòng, chống vấn nạn hàng giả, hàng nhái trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị được Nghị viện châu Âu thông qua EVFTA và EVIPA. Theo số liệu từ Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, trong 9 tháng (từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019), các cơ quan, lực lượng chức năng đã xử lý 149.502 vụ việc vi phạm (giảm 18% so với cùng kỳ năm 2018), thu nộp ngân sách Nhà nước đạt 12.388 tỷ 709 triệu đồng (giảm 11% so với cùng kỳ 2018), khởi tố 1.635 vụ (tăng gần 40% so với cùng kỳ 2018), với 1.908 đối tượng (tăng 44% so với cùng kỳ 2018). Các cơ quan QLTT trong



cả nước đã phát hiện xử lý 82.300 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách 430 tỷ đồng. Trị giá hàng tịch thu chưa bán gần 150 tỷ đồng, chuyển 107 vụ cho cơ quan công an, trong đó 26 vụ việc đã khởi tố, 54 vụ việc đang điều tra. Riêng hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong 10 tháng (từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019), lực lượng QLTT đã kiểm tra, xử lý 6.597 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách trên 19 tỷ đồng.

Theo số liệu thống kê của ngành QLTT cho thấy, mặt hàng thường được làm giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi cộm bao gồm: Thực phẩm, thực phẩm chức năng, quần áo, giày dép, dược phẩm, mỹ phẩm, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, điện tử... và được thực hiện một cách công khai, tràn lan trên các website thương mại, các trang mạng xã hội như zalo, facebook... Vấn nạn hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện nay diễn biến khá phức tạp và xuất hiện những xu hướng mới, tinh vi, chuyên nghiệp và thậm chí mang yếu tố nước ngoài nhiều hơn. Có thể kể đến một số vụ việc điển hình do lực lượng QLTT kiểm tra, kiểm soát và xử lý gần đây như:

Vụ thứ nhất, ngày 10/12/2019, Cục Nghiệp vụ - Tổng cục QLTT phối hợp với Cục QLTT Khánh Hòa và cảnh sát khu vực phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tiến hành kiểm tra điểm giao nhận hàng hóa tại số 59 Lý Nam Đế, Nha Trang đã triệt phá thành công nơi chứa 3.300 chai nước hoa giả thương hiệu Miss Saigon của Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn. Trị giá hàng thật tương đương trên 2,1 tỷ đồng. Trên thị trường, nước hoa có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu Miss Saigon này được bán với giá 500.000 đồng/chai. Theo thông tin phản ánh từ doanh nghiệp, số hàng này được sản xuất tại nước ngoài và được mang vào Việt Nam tiêu thụ. Với trị giá hàng hóa có dấu hiệu giả mạo lớn, nên Cục QLTT Khánh Hòa đã

hoàn tất hồ sơ vụ việc và chuyển sang cơ quan công an để tiếp tục xử lý theo quy định.

Vụ thứ hai, ngày 17/12/2019, Cục QLTT tỉnh Đồng Nai phối hợp cùng Phòng Cảnh sát kinh tế (PC03) Công an tỉnh kiểm tra đột xuất cơ sở sản xuất của ông Trần Minh Hải, tại địa chỉ: Tổ 12, KP3A, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa. Cơ sở có hành vi sản xuất, đóng gói nước tăng lực Number One giả gồm: 8.472 chai thành phẩm, bên trong chứa chất lỏng màu vàng, bên ngoài ghi nhãn hàng hóa “Nước uống tăng lực Number 1”, giả sản phẩm của Công ty TNHH Number One Hà Nam; 38.424 chai nguyên liệu, bên trong chứa chất lỏng màu vàng, đã được đóng nắp chai, không nhãn mác; 1.500 vỏ thùng carton thành phẩm, bên ngoài thùng ghi: Nước tăng lực Number One. Mở rộng điều tra, lực lượng chức năng tỉnh Đồng Nai đã phối hợp Công an tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Nông, phát hiện 04 tụ điểm, xác định là nơi tiêu thụ “Nước tăng lực Number One” có dấu hiệu giả do các đối tượng sản xuất.

Vụ thứ ba, trong 02 ngày (ngày 08 - 09/01/2020), Cục QLTT thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ hàng nghìn sản phẩm có dấu hiệu giả mạo các nhãn hiệu LV, Gucci, Montblanc, Burberry, YSL, Valentino, Prada, Hermes, Chanel tại 14 địa điểm kinh doanh trong trung tâm thương mại Saigon Square và Lucky Plaza. Các mặt hàng bị làm giả chủ yếu là kính, túi, ví, giày dép, dây lưng. Ước tính giá trị hàng vi phạm khoảng 100 triệu đồng.

Vụ thứ tư, ngày 13/2/2020, Cục QLTT Hà Nội đã phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra xưởng sản xuất khẩu trang y tế của Công ty TNHH Việt Hàn đóng ở xã Minh Cường, huyện Thường Tín. Qua kiểm tra, lõi của khẩu trang này được làm từ giấy vệ sinh. Trong khi đối với khẩu trang y tế đạt chuẩn, lớp lót là lớp kháng khuẩn, không

tan trong nước. Đây có thể xem là vụ việc điển hình lợi dụng tình hình dịch bệnh xem thường tính mạng con người.

Vụ thứ năm, ngày 26/2/2020, Cục Nghiệp vụ QLTT thuộc Tổng cục QLTT phối hợp với Cục QLTT Hà Nội kiểm tra, xử lý vụ việc trên địa bàn tại trung tâm thương mại The Manor (khu đô thị Mỹ Đình 1, Mễ Trì, Nam Từ Liêm). Tại thời điểm kiểm tra, lực lượng chức năng đã phát hiện các sản phẩm mang nhãn hiệu trên túi xách, ba lô, bóp ví da Louis Vuitton, Chanel, Gucci, Prada, Hermes; thắt lưng Montblanc (đồ da và giả da); đồng hồ IWC, Montblanc Watch, Rado, Valentino, Rolex, Cartier, Patek Philippe, Audemars Piguet; giày thể thao Nike; quần áo Burberry, Gucci, Louis Vuitton, Tommy Jeans, The North Face... , có dấu hiệu giả mạo thương hiệu nổi tiếng và một số hàng hóa chưa xuất trình được hóa đơn, chứng từ liên quan đến hàng hóa.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục QLTT tại diễn đàn “Thực trạng hàng giả, hàng nhái tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp” do Tổng cục QLTT, Bộ Công thương phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức vào ngày 26/11/2019 tại Hà Nội cho thấy: Năm 2019, số vụ vi phạm về hàng giả, hàng nhái, sở hữu trí tuệ tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2018. Cả nước đã phát hiện và xử lý 82.300 vụ vi phạm (năm 2018 phát hiện và xử lý 34.733 vụ vi phạm), thu nộp ngân sách Nhà nước 430 tỷ đồng, trị giá hàng tịch thu chưa bán gần 150 tỷ đồng, chuyển hồ sơ 107 vụ cho cơ quan công an xử lý.

Các chuyên gia cho rằng, xuất phát từ tâm lý người tiêu dùng vẫn yêu chuộng hàng Việt Nam và các sản phẩm do các nước phát triển sản xuất, các đối tượng thường nhập hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ rồi gắn mác Việt Nam để đánh lừa người tiêu dùng. Hàng giả, hàng nhái trên



thị trường thường trà trộn cùng hàng thật, hàng có xuất xứ rõ ràng, cụ thể như: Vụ việc khoai tây Trung Quốc giả mạo khoai tây Đà Lạt; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thành Quý và Công ty TNHH Thương mại Aeolus Henan, đã nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về, qua kiểm tra phát hiện 2.880 bút bi ghi nhãn hiệu Thiên Long, 438 bộ tay nắm khóa cửa Huy Hoàng, 287 đồng hồ không khai báo hải quan nghi vấn hàng giả nhãn mác; Công ty TNHH H.T khai báo nhập 6 container gạch ốp lát không tráng men, mới 100%, xuất xứ Trung Quốc. Qua kiểm tra phát hiện trên bao bì sản phẩm thể hiện chữ “Made in Vietnam” nhãn hiệu ROYALGRESPORCELANTATO, sản xuất tại khu công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Qua thu thập, nghiên cứu của một số chuyên gia về thị trường cho thấy khi tham gia lưu thông trên thị trường, hàng giả thường trà trộn cùng với hàng thật, hàng có xuất xứ rõ ràng, nên việc phát hiện vi phạm gặp khó khăn nhất định, các đối tượng vi phạm thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn và có sự tham gia của các đối tượng nước ngoài, được tổ chức ngày càng tinh vi, có sự cấu kết từ khâu sản xuất đến khâu phân phối, sử dụng phương tiện công nghệ, kỹ thuật cao để đối phó các cơ quan chức năng. Trong đó, tình trạng gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh, kinh doanh hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thông qua mạng Internet ngày càng phổ biến và diễn biến phức tạp trong khi các chế tài xử lý vi phạm vẫn chưa hoàn thiện.

Một số giải pháp nâng cao năng lực của ngành QLTT góp phần quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay

Đôi với công tác quản lý, xử lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả, trong Chỉ thị số

17/CT-TTg ngày 29/6/2018, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng phải quán triệt sâu sắc và đề cao trách nhiệm trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, nhất là nhóm hàng liên quan đến việc chăm sóc, nâng cao sức khỏe con người, phải xác định đây là nhiệm vụ quan trọng vừa cấp bách vừa lâu dài. Qua đó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các lực lượng chức năng, triển khai đồng bộ các biện pháp và kiên quyết đấu tranh từng bước đẩy lùi tệ nạn này.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, công tác quản lý, xử lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả còn gặp nhiều khó khăn, lực lượng thực thi pháp luật về chống hàng giả được Đảng và Nhà nước giao cho lực lượng QLTT chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng khác có liên quan thực hiện. Do đó, cần có một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực của ngành QLTT góp phần quản lý việc sản xuất và buôn bán hàng giả trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay, cụ thể như sau:

Thứ nhất, thực hiện nhanh việc kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự, biên chế để ổn định tổ chức và hoạt động của QLTT, lựa chọn những người tham gia lực lượng QLTT đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn nghề nghiệp, trình độ chính trị, tin học, ngoại ngữ, phù hợp với vị trí việc làm, trong sạch, không tham nhũng nhằm đẩy nhanh quá trình xây dựng lực lượng QLTT trở nên chính quy, chuyên nghiệp, hiện đại. Đặc biệt, có thể làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

Thứ hai, song song với ổn định tổ chức, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cũng cần được chú trọng triển khai như: Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về thị trường, cập nhật kiến

thức chuyên ngành phù hợp với yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của thị trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn để thích ứng với việc thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, công nghệ trí tuệ nhân tạo, gần nhất là Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam.

Thứ ba, cần sớm hoàn thiện pháp luật về QLTT theo hướng tăng hình phạt cho hành vi sản xuất và kinh doanh hàng giả để nâng cao tính răn đe. Cụ thể: Hoàn chỉnh sửa đổi Pháp lệnh QLTT năm 2016 để phù hợp với các luật mới như: Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung, Luật Cạnh tranh năm 2018, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Dục...; đặc biệt, là sửa đổi, bổ sung ngay một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó củng cố địa vị pháp lý của QLTT trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính cho hành vi sản xuất và kinh doanh hàng giả. Đồng thời, sớm triển khai các công cụ trực tuyến kết nối giữa cơ quan QLTT, doanh nghiệp và người tiêu dùng nhằm hỗ trợ hiệu quả và thuận tiện cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn tiêu dùng cũng như chia sẻ thông tin, tố giác vi phạm nói chung và tội phạm sản xuất và kinh doanh hàng giả để người dân biết, phòng ngừa, ngăn chặn.

Có thể khẳng định, trong điều kiện hội nhập sâu rộng kinh tế khu vực và thế giới như hiện nay, việc nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn nghiệp vụ, tác phong, đạo đức của cán bộ, công chức luôn là vấn đề quan trọng đặt ra đối với lực lượng QLTT, từ đó góp phần bảo đảm thị trường lành mạnh, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng./.

Tài liệu tham khảo:

(*) Theo <https://baoquoctevn/chong-hang-gia-hang-nhai-105601.html>



Ở nước ta hiện nay, công tác xây dựng pháp luật ngày càng được xem trọng với sự ra đời của

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, đồng thời cụ thể hóa hoạt động xây dựng chính sách. Đây là một lĩnh vực hoàn toàn mới về công tác xây dựng chính sách nên không tránh khỏi sự lúng túng trong triển khai, thực hiện. Trong hoạt động xây dựng chính sách đối với luật, pháp lệnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ là những cơ quan đóng vai trò rất quan trọng nhất là đối với việc phân tích chính sách. Vì thế, cần có giải pháp nâng cao trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ để đảm bảo chất lượng của luật, pháp lệnh nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung.

Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách

Phân tích chính sách là một bước nhằm làm rõ tư tưởng, định hướng, mong muốn của chính sách trên cơ sở các yếu tố như tiêu chí đánh giá, nguồn lực, công cụ thực hiện... với mục đích cuối cùng là khẳng định chính sách đó có cần hay không cần được quy phạm hóa và sẽ quy phạm hóa như thế nào nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mà Nhà nước đã đặt ra.

Đối với việc xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình thì nhiệm vụ vô cùng quan trọng này được “đặt lên vai” các cơ quan



Ảnh: ST

Bàn về trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh

 **Hoàng Đình Dũng**

Tòa án Quân sự khu vực 2, Quân khu 4



chuyên môn của Chính phủ, bởi Bộ, cơ quan ngang Bộ chính là đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với tất cả các ngành, lĩnh vực khác nhau. Do đó, nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phân tích chính sách đó là thực hiện các công việc để xây dựng nội dung chính sách như: Nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực của mình. Đây là một hoạt động hết sức quan trọng để cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng vào luật, pháp lệnh mà nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi quản lý của mình cần có sự đầu tư nghiên cứu một cách tỉ mỉ và chính xác nhất. Trong đó, Bộ và cơ quan ngang Bộ thực hiện một số hoạt động sau: (1) Xác định các vấn đề cần giải quyết; (2) Xác định nguyên nhân của vấn đề cần giải quyết; (3) Xác định mục tiêu của chính sách; (4) Phân tích định hướng để giải quyết từng vấn đề; (5) Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách.

Trong nội bộ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, vai trò phân tích chính sách thường do một nhóm công tác gồm các chuyên gia của nhiều bộ phận khác nhau (vụ, cục) hoặc các chuyên gia của một vụ, cục liên quan trực tiếp nhất đến vấn đề cần giải quyết. Ngoài ra, các nhóm công tác này còn có thêm các chuyên gia đầu ngành từng lĩnh vực được mời về để tham gia quá trình phân tích chính sách đối với luật, pháp lệnh.

Những thành tựu đạt được về thực hiện trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách

Chỉ tính từ thời điểm thực hiện quy định xây dựng chính sách đối với luật, pháp lệnh theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (từ năm 2016 đến năm 2019) có đến 62 luật, pháp lệnh được đề xuất và điều chỉnh. Khi thực hiện việc đề xuất các dự án này, Bộ, cơ quan ngang Bộ đã tiến hành phân tích chính sách làm cơ sở để Chính phủ đề nghị trình Quốc hội.

Theo đó, trong quá trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ đều tiến hành tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị; tổ chức nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan để hỗ trợ cho việc lập đề nghị; nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến đề nghị; xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị; đánh giá tác động của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua.

Khâu phân tích chính sách đã được triển khai thực hiện trong lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh phù hợp với yêu cầu trọng tâm hiện nay đòi hỏi hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Cách thực hiện lập đề nghị xây dựng pháp luật của Quốc hội, Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ từng bước khắc phục tính hình thức đối với đề xuất chính sách; góp phần làm cho lập đề nghị, kế hoạch lập pháp trở nên khoa học, thực tiễn hơn. Nhờ vậy mà việc thực hiện xây dựng chính sách nói chung và phân tích chính sách đối với luật, pháp lệnh nói riêng của Bộ và cơ quan ngang Bộ ngày càng được chú trọng, đi vào chiều sâu, đem lại hiệu quả khi tuân thủ quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, cụ thể:

(1). Việc xây dựng chính sách đối với luật, pháp lệnh được chuẩn hóa, việc thực hiện quy trình đánh giá tác động chính sách (ĐGTĐCS) được tuân thủ tương đối nghiêm túc và đầy đủ các bước.

(2). Hoạt động ĐGTĐCS đã góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách điều hành kinh tế - xã hội. Hoạt động này đã góp phần nâng cao chất lượng của các VBQPPL được ban hành, đặc biệt là luật, pháp lệnh có nội dung cơ bản, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đa phần văn bản bảo đảm tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hiện nay, các quy định của pháp luật hiện hành về ĐGTĐCS bao gồm các nhóm quy định cơ bản, có tác dụng tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho xây dựng chính sách, góp phần đưa hoạt động xây dựng pháp luật ngày càng đi vào nề nếp nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng chính sách và VBQPPL. Điều này góp phần khắc phục được tình trạng ban hành VBQPPL phức tạp, quá nhiều loại văn bản, gây khó khăn khi theo dõi và thực thi, xác định thứ bậc hiệu lực pháp lý của các loại văn bản. Từ đó, góp phần xây dựng hệ thống pháp luật đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Một số hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh

Một là, về phương pháp phân tích chính sách: Công đoạn này vẫn còn gặp nhiều hạn chế trong việc xác định công cụ phân tích chính sách RIA^(*) và chủ yếu khi thực hiện ĐGTĐCS là phương pháp định tính nên thiếu luận điểm khoa học để chứng minh.

Hai là, thiếu cơ chế phản biện chính sách. Cơ chế làm luật của nước ta vẫn còn mang tính một chiều khi chủ thể xây dựng luật, pháp lệnh còn thiếu cơ chế phản biện. Cách làm này tiềm ẩn nguy cơ quan liêu hóa cao và khiến cho các đạo luật phục vụ chủ yếu cho lợi ích của Nhà nước mà ít cân nhắc tới lợi ích của các đối tượng liên quan khác. Mặt khác, các nhà khoa học cũng khẳng định thực trạng làm luật ở nước ta theo cơ chế kế hoạch nên sức ép rất lớn, tính cò xát chưa cao, luôn phải chọn giải pháp mang tính dung hòa là các ý kiến bảo lưu của Chính phủ.

Ba là, các chủ thể bắt buộc phải phân tích chính sách trong giai đoạn lập đề nghị theo quy định của pháp luật Việt Nam, phải hoạt động theo cơ chế ban soạn thảo.



Cơ chế này tiềm ẩn nguy cơ không minh bạch trong quá trình xây dựng chính sách bởi chúng ta thường giao cho cơ quan quản lý ngành sẽ phụ trách việc thành lập Ban soạn thảo để làm chính sách và soạn thảo dự thảo luật, pháp lệnh. Chủ thể bắt buộc phải phân tích chính sách thì chưa phát huy được tiềm năng, trí tuệ của mình, còn nhóm chủ thể hỗ trợ cho nhóm chủ thể bắt buộc chỉ tham gia ở mức độ hình thức và chưa được coi trọng. Ngoài ra, quá trình lập đề nghị vẫn chưa thu hút rộng rãi sự tham gia của các chủ thể mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động phân tích chính sách như: Chuyên gia, công chúng, báo chí; thiếu sự tham gia của các hiệp hội, doanh nghiệp vào việc đưa ra sáng kiến luật, pháp lệnh hay góp ý vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Giải pháp nâng cao trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với việc phân tích chính sách trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh

Thứ nhất, cần quy định cụ thể về cách thức xác lập vấn đề bất cập và các nội dung, tiêu chí của ĐGTĐCS, cũng như việc kiểm soát chất lượng của quy trình phân tích chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ này trong công tác xây dựng pháp luật.

Thứ hai, cần chi tiết hơn nữa các quy định của pháp luật hiện hành về phân tích chính sách để các chủ thể thực hiện quy trình thuận lợi hơn trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng thực sự của chính sách. Đặc biệt, để có thể nâng cao chất lượng của báo cáo ĐGTĐCS nói riêng và hoạt động ĐGTĐCS nói chung, trước hết pháp luật cần hoàn thiện hơn nữa việc hướng dẫn và quy định cụ thể về các nội dung, tiêu chí ĐGTĐCS, phương pháp ĐGTĐCS cũng như việc kiểm soát chất lượng của báo cáo ĐGTĐCS.

Thứ ba, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện và tham gia vào quá trình xây dựng chính sách đối với luật, pháp lệnh. Trong đó, quan tâm đến việc tuyển dụng, bố trí nhân lực, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế, bộ phận chuyên môn - lĩnh vực ưu tiên những người có kiến thức pháp luật và hiểu biết về các vấn đề kinh tế, xã hội liên quan đến từng ngành, lĩnh vực cụ thể mà luật, pháp lệnh điều chỉnh. Để làm được điều này, cần điều chỉnh một số chính sách đãi ngộ dành cho cán bộ, công chức tham gia vào hoạt động phân tích chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn cao, cũng như giúp cho họ yên tâm công tác, hoàn thành các nhiệm vụ được giao./.

(*) RIA - Regulatory Impact Assessment: Đánh giá tác động chính sách

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Ban hành VBQPPL năm 2015;
2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL;
3. Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
4. Vũ Cao Đàm (chủ biên), Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách, NXB Thế giới, Hà Nội, 2011;
5. Lê Thị Ngọc Mai, Quy trình xây dựng chính sách theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Tạp chí Luật học, Số đặc biệt - Tháng Thanh niên 3/2016.

Con hỡi, hãy giữ vững niềm tin

(Tặng bác sỹ bị lây nhiễm Covid-19
trong quá trình làm việc - trở thành BN141)

Thời đất nước trong cơn bão tố
Dân yêu thương gặp bước gian lao
Thì con hỡi, tuổi thanh xuân dâng hiến
Thầy thuốc từ tâm, sống giỏi, ở tuyến đầu.

Thời quê hương bị bủa vây bốn phía
Dịch Cô-Vi rình rập mọi ngã đường
Thì con hỡi, Tổ quốc đang kêu gọi
Những chiến binh quả cảm, hãy lên đường.

Lúc nguy nan tỏ rõ mặt anh hùng
Ai từ biệt người thân ra trận tuyến
Ai ngày đêm đốc lòng vì người bệnh
Ai nén tình riêng vì đồng loại thân yêu.

Nơi quê hương mỗi sớm mỗi chiều
Bao niềm tin hướng về nơi ấy
Những chiến binh áo bờ-lu trắng
Những anh hùng của đất nước gian lao.

Thì con hỡi, hãy giữ vững niềm tin
Chân cứng đá mềm... vượt qua bão tố
Đất nước tự hào những chiến binh áo trắng
Những con người quả cảm của quê hương.

Rồi mai đây khi đất nước yên bình
Khi quê hương không còn dịch dã
Khúc hoan ca vang giữa trời lồng gió
Con lại về với quê mẹ yêu thương.

Lâm Bằng



Ảnh: ST



Kiểm tra, giám sát thu hút đầu tư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lai Châu

 Tô Thị Hồng Lê

Trường Chính trị tỉnh Lai Châu



Một góc thành phố Lai Châu

Ảnh: ST

Kiểm tra, giám sát thu hút đầu tư giúp cho các cấp chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thu hút đầu tư; đồng thời, là công cụ quan trọng để cơ quan quản lý Nhà nước theo dõi, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật của các nhà đầu tư, doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư.

Nội dung cụ thể của công tác kiểm tra, giám sát thu hút đầu tư bao gồm: Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc quán triệt, triển khai các văn bản của Trung ương và địa phương về thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội (KTXH); công tác xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư; cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu

tư; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; công tác thẩm định, xét duyệt các dự án đầu tư; việc chấp hành các quy định của pháp luật của chủ đầu tư trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư.

Hiện nay, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thu hút đầu tư tại Việt Nam đang được thực hiện bằng rất nhiều phương pháp với nội dung đa dạng, trên cơ sở tạo thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, chất lượng công tác thẩm định, xét duyệt các dự án đầu tư được đặc biệt coi trọng. Ngoài ra, tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách quản lý, giám sát đầu tư trong đó cần quan tâm nâng cao năng lực phân tích, dự báo của các cơ quan xây dựng, ban hành thể chế chính sách; kịp thời

ban hành các quy định điều chỉnh các quan hệ kinh tế mới, các mô hình, phương thức kinh doanh mới... tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư và hoạt động quản lý của cơ quan Nhà nước.

Thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư vào địa phương là việc làm cần thiết, góp phần huy động các nguồn lực để phục vụ cho phát triển KTXH, song, nếu không được kiểm tra, giám sát, hoạt động đầu tư cũng có thể gây hậu quả lâu dài đối với xã hội và đất nước. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư sẽ giúp kiểm soát được việc chấp hành pháp luật của nhà đầu tư, doanh nghiệp, kịp thời ngăn chặn những doanh nghiệp có hoạt động đầu tư không lành mạnh, làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây ô nhiễm môi trường.

Thực tế trong nhiều năm qua, mặc dù luôn quan tâm thu hút đầu tư, nhưng tỉnh Lai Châu không thu hút đầu tư bằng mọi giá mà thu hút đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, chỉ khuyến khích thu hút các dự án đầu tư có hàm lượng khoa học công nghệ cao, phát huy được tiềm năng, lợi thế của tỉnh, bảo vệ môi trường sinh thái, các tác động tích cực trên phạm vi rộng lớn, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

Hình thức kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với hoạt động thu hút đầu tư được Lai Châu thực hiện ngay từ khâu gia nhập thị trường của nhà đầu tư, doanh nghiệp, trong đó tập trung chủ yếu thông qua việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư được tổ chức thẩm định chặt chẽ, có sự tham gia của các sở, ban, ngành và địa phương dự kiến đầu tư, đảm bảo đúng trình tự, khoa học, tuân thủ pháp luật. Kiên quyết



không cấp phép đầu tư cho các dự án không có phương án tài chính, phương án tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoặc có nguy cơ gây tác động xấu đối với môi trường sinh thái.

Hiện nay, tùy theo mức độ tác động, quy mô của từng dự án, hầu hết các dự án đầu tư tại địa bàn tỉnh trước khi được cấp phép đều được thẩm định, đánh giá, cho chủ trương từ Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và ý kiến tham gia thẩm định của các sở, ban, ngành, địa phương nơi có dự án. Do vậy, hầu hết các dự án đã được cấp phép đầu tư luôn tạo được sự đồng thuận của hệ thống chính trị và nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của dự án, không để xảy ra mất an ninh trật tự, gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, chủ đầu tư đã xác định được vai trò, trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc cam kết đầu tư đã được phê duyệt.

Về đánh giá chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước đối với các nhà đầu tư, qua khảo sát cho thấy: Có 66,4% nhà đầu tư đánh giá tốt, 27,2% đánh giá trung bình và 6,4% đánh giá kém (Xem chi tiết bảng số liệu tổng hợp ý kiến của nhà đầu tư).

Chất lượng thẩm định hồ sơ đăng ký đầu tư, kinh doanh của cơ quan Nhà nước; việc chấp hành quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra của nhà đầu tư; việc thông báo kế hoạch, kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước tới nhà đầu tư... được đánh giá cao. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số nội dung chất lượng chưa cao, làm ảnh hưởng tới việc thu hút đầu tư như: Chất lượng hồ sơ đăng ký đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư còn kém; số lần thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước đối với nhà đầu tư trong năm vẫn còn nhiều.

Từ thực tế này, đòi hỏi các cơ quan Nhà nước tỉnh Lai Châu cần phải tiếp tục quan tâm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, coi trọng chất lượng thẩm định hồ sơ có liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng... ngay từ ban đầu, nhằm hạn chế tối đa việc thanh tra,

kiểm tra đột xuất, tạo điều kiện cho nhà đầu tư yên tâm tổ chức các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh tại tỉnh.

Bên cạnh việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, tỉnh Lai Châu cũng đã quan tâm tổ chức kiểm tra đột xuất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn. Trong đó, coi trọng kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị dự án và sau khi cấp quyết định đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nội dung được quan tâm kiểm tra, giám sát tập trung chủ yếu vào các yếu tố như: Việc chấp hành pháp luật của nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án; năng lực thực hiện dự án (như vốn, kinh nghiệm, công nghệ...) của nhà đầu tư; tiến độ và thời gian thực hiện dự án...

Đồng thời, hoạt động kiểm tra, giám sát góp phần giúp nhà đầu tư nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mình trong tổ

chức triển khai, thực hiện dự án cũng như ý thức chấp hành pháp luật, nhất là pháp luật về đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động trong dự án, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thực hiện dự án.

Qua kết quả đánh giá hàng năm cho thấy, 100% dự án đầu tư tại tỉnh Lai Châu đến thời điểm hiện nay được thực hiện theo đúng quy định, quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các nhà đầu tư được hưởng đầy đủ ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong tổ chức triển khai, thực hiện dự án, mang lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng dân cư, thúc đẩy phát triển KTXH, cải thiện cơ sở hạ tầng KTXH cho địa phương./.

Ý kiến của nhà đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã) đối với công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Nội dung điều tra, phỏng vấn	Ý kiến của nhà đầu tư (là doanh nghiệp, hợp tác xã) được điều tra, phỏng vấn			
		Tốt	Trung bình	Kém	Tổng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)+(4)+(5)
1	Chất lượng kiểm tra, thẩm định hoạt động đầu tư, kinh doanh của cơ quan Nhà nước đối với nhà đầu tư trước khi thực hiện đầu tư, kinh doanh	12	10	3	25
2	Chất lượng hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư	8	15	2	25
3	Số lần thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư, kinh doanh của cơ quan Nhà nước trong năm (0 lần: tốt, 1 lần: trung bình, hơn 1 lần: kém)	21	3	1	25
4	Việc chấp hành quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra trong đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư	20	4	1	25
5	Việc thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra về đầu tư, kinh doanh của cơ quan Nhà nước đối với nhà đầu tư	22	2	1	25
Tổng cộng:		83	34	8	125
Tỷ lệ (%)		66,4	27,2	6,4	100



Ảnh: PV

Tháng Tư thị thành, nắng xôn xao rắc nhẹ muôn vàn tia ấm áp trên những tán cây xanh ngời. Dường như nàng Xuân vẫn đang còn quyến luyến chưa nở rời đi nên quện trong màu nắng thi thoảng chút mưa bụi lầy rầy, thêm một chút se se, lạnh lạnh. Cùng lúc, màu trắng tinh khôi của hoa Loa kèn men theo những vòng xe quay đều chậm rãi của các bà, các mẹ len lỏi bán rong khắp phố phường.

Dường như tạo hóa sinh tháng Tư nên sinh thêm mùa hoa Loa kèn cho đồng điệu. Nhắc đến tháng Tư, không ai không nhắc tới loài hoa dịu dàng, tinh khôi - Loa kèn. Tháng Tư dường như trở nên dịu dàng hơn khi có những bông hoa Loa kèn bung nở.

Trong phút chuyển giao hai mùa Xuân và Hạ ấy, tháng Tư sang nếu không thấy bóng dáng hoa Loa kèn lòng tôi cảm giác như thiếu thiếu một cái gì đó, chơi vơi, nao lòng đến điệu vơi. Dẫu không phải giàu có hay tỏ ra đua đòi, đầu mùa hoa Loa kèn dẫu có đắt đến mấy, khó mua đến mấy tôi cũng phải tìm mua bằng được một bó cắm trong nhà, để ngắm và thỏa nỗi nhớ mong.

Sớm mai, bước chân xuống phố, trong lòng ngực, tim tôi dường như đã rung rinh khi thấy những bông Loa kèn cúi đầu e lệ tinh khôi trên mặt của cô bán hoa hàng rong. Loa kèn đầu mùa búp nhỏ nhắn, khoác lên mình một màu xanh non nộn nà, thoáng nhìn thôi tôi cũng đã muốn nâng niu, ôm chúng vào lòng rồi. Xuôi ngược ký ức nhìn những bông Loa kèn tôi lại nhớ tới

thời thanh xuân tươi đẹp của mình. Có ai đó nói rằng Loa kèn như những thiếu nữ mười lăm trăng tròn chẳng sai chút nào. Tuổi trăng tròn, tôi trở thành thiếu nữ e ấp, ngượng ngùng làm duyên, làm dáng. Tuổi trăng tròn của tôi mộng mơ, vụng dại nhưng cũng đầy khát khao, bùng cháy... như những đóa Loa kèn tinh khôi đầu mùa. Lứa tuổi ấy, trái tim tôi bắt đầu biết rung động. Nhưng mối tình học trò đẹp ấy chớm nở rồi cũng nhanh chóng tàn phai.

Tôi tìm đến hoa Loa kèn trong những ngày buồn bã nhất, thấy bóng dáng mình trong câu chuyện tình buồn trong tích xưa về bông hoa Loa kèn. Tích xưa lưu lại rằng, khi nàng Eva rời khỏi vườn địa đàng, nàng đã khóc và nơi giọt nước mắt đầu tiên rơi xuống sau này mọc lên một bông hoa trắng muốt trông như một chiếc loa. Loài hoa ấy



mang theo sự trong trắng, tinh khiết của người phụ nữ, mang theo cả nỗi buồn không thể nói nên lời. Từ đó, người ta đặt tên cho hoa là Loa kèn. Tôi và nàng Eva có một chuyện tình thật đẹp, lãng mạn nhưng đã đoan ngắn ngủi. Mỗi độ tháng Tư sang tôi lại không ngừng nghĩ về chuyện tình ngày xưa của mình, và nó đã hóa thành những dòng ký ức ngọt ngào.

Khi nhìn những người phụ nữ bán hoa rong ngoài kia, tôi luôn thấy bóng hình của mẹ ở đó. Sự tảo tần, sự nâng niu một thời mẹ gắn bó với hoa Loa kèn. Khi chị em tôi cao lớn, cùng lúc trên vai mẹ oằn thêm những vất vả. Mỗi tháng Tư sang, mẹ có trồng một thửa hoa Loa kèn cạnh nhà. Sáng sáng mẹ dậy thật sớm, xuống ao múc nước tưới hoa, chằng rào, chằng đèn chờ Loa kèn đến ngày ra nụ. Tụ tay mẹ cắt và rong ruổi khắp thị trấn bán để kiếm đồng ra đồng vào, nuôi hai chị em tôi khôn lớn. Tôi nghĩ, đó hẳn nhiên là những tháng ngày vất vả nhất của mẹ. Những hy sinh lặng thầm của mẹ tôi hẳn khắc sâu vào trong tim.

Tháng Tư ngoài phố đã rục rĩ. Tôi luôn có cảm giác phố lúc nào cũng nhộn nhịp, nhiều khi ồn ã đến khó thở. Nhưng may mắn thay, đời đã có thêm những bông Loa kèn dịu dàng, đắm thắm vào mỗi độ tháng Tư sang. Mỗi lần nhìn sắc hoa tinh khôi ấy, lòng tôi bình yên đến lạ. Dường như mọi mệt mỏi tan biến vào hư không. Tôi nhớ mẹ thật nhiều. Mùa Loa kèn năm này đúng tròn một năm tôi xa mẹ mãi mãi. Mẹ đã về với cõi tạm mang theo cả hương Loa kèn dịu ngọt...

Một mình, trong căn gác trọ, bên đóa Loa kèn lòng tôi ngân lên khe khẽ những xao động. Tôi nhẩn nha đọc những câu thơ chép trong cuốn vở học trò năm xưa:

“Em gục vào nỗi nhớ tháng Tư

Thương màu trắng hoa Loa kèn đang nở

Người chờ mùa qua từng cơn phố nhỏ

Sợ nụ hoa mau nở chóng tàn...”

Đào Thanh Tùng

Người cha

 **Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh**



Viễn ngồi trên bờ biển nhìn ra xa xăm, ngọn hải đăng lấp lóa trước mắt. Sóng cuộn êm vỗ nhẹ bờ cát, xa xa những con thuyền ra khơi tiếp tục bám biển, nhỏ dần, nhỏ dần trước mắt anh. Cảm giác như biển cả bao la rộng lớn này sẽ nuốt chửng những con thuyền bé nhỏ kia chỉ sau một cơn bão. Lòng đầy lo âu, ngày thứ bảy ở vùng này, anh không thấy cha trở về.

Dưới bãi, tiếng í ới gọi nhau không ngừng. Tiếng trả giá cho phiên chợ hải sản sáng. Mặt trời ngấp nghé đường Đông. Anh nhắm mắt suy nghĩ về viễn cảnh cha đang vật lộn với từng cơn sóng để chiến đấu mong ngày trở về. Nỗi xa xót cứ dâng đầy lồng ngực. Chẳng phải cha đã quá già để có thể chiến đấu với những bão tố ngoài kia. Một mình cha và đôi chân không nguyên vẹn nữa. Nước mắt anh lặng lẽ trước bình minh. Rất nhiều lần anh cãi nhau với cha, về việc cha sẽ ở lại vùng quê hay lên thành phố ở cùng anh em Viễn. Nếu cha vui vẻ xách ba lô lên thì có lẽ giờ này anh không còn ngồi ở đây để đếm từng nhịp đập của tim mình. Cha bảo:



- Cha lớn tuổi rồi, đi hay ở không còn là việc quan trọng. Cha chỉ muốn ở đây, lâu lâu theo thuyền đi đánh cá cùng anh em. Chỉ là đi cho vui để khỏa lấp nỗi nhớ biển mà thôi. Lên thành phố rồi, chắc cha sẽ không thể quay về.

Viễn không hiểu cảm giác của cha. Anh năn nỉ, ỉ ôi, vẽ một khung cảnh vui tươi nơi phố thị để cha theo cùng. Nhưng đáp lại tấm



Minh họa: Phạm Tấn Phú

lòng của Viễn và em gái, cha lặng lẽ rời nhà đi khi trời hửng còn mịt mờ. Lúc anh tỉnh dậy, một tô cháo trai úp sẵn trên bàn, thơm phức và một mảnh giấy trắng vuông vức chỉ vòn vẹn mấy câu:

- Cha đi rồi cha lại về, con cứ trở lại thành phố và lo công việc, vợ con, lo cho em gái, nó cũng sắp tới tuổi lập gia đình rồi. Anh em nhớ bao bọc lẫn nhau.

Viễn đọc xong cũng chẳng biết làm gì, cun cút mang ba lô về lại thành phố.

Anh và cô em gái cùng cha đến vùng biển này đã được mười lăm năm. Khi người mẹ của anh không may chết đuối sau một đêm bà đi bắt cua ngoài đồng. Đêm khuya, sau khi bắt được kha khá cua, bà men ra bờ sông rửa ráy để về thì sẩy chân. Đêm đó mẹ không về, cha con Viễn hoảng hốt kéo nhau đi tìm. Anh nhớ mình đã chạy khắp cánh đồng làng, kêu khản cả giọng nhưng không thể tìm thấy mẹ. Cha anh rủ rợi còn cô em gái thì hoảng loạn. Đến ba ngày sau, khi anh em làng xóm lại, loa trên làng dưới xóm râm ran thông báo về sự mất tích của mẹ, thì người ta tìm thấy mẹ dưới ống cống dẫn nước xuống đồng. Thân hình không còn nguyên vẹn nữa. Người ta đồn đoán xì xầm, bảo mẹ bị ma bắt. Ai bảo bà khuya lác khuya lơ không chịu về còn rắng mò thêm cua thêm ốc. Nhưng mấy ai hiểu được, mẹ bị thiếu máu, chắc có lẽ khi bà ra bờ sông rửa cua thì gặp lúc xây xẩm mặt mày vì cúi quá lâu. Bà lại không biết bơi nên mới xảy ra sự việc đau lòng đến thế. Hồi mẹ mất, Viễn tròn mười lăm tuổi.

Viễn sợ nước, sợ bước ra con sông trước nhà kể từ ngày đó. Mỗi buổi đi học về, Viễn lặng lẽ ngồi dưới gốc bưởi trong vườn, lầy mấy bông bưởi rụng vùn vùn cho tới khi cả bàn chân tê cứng mới chịu nhón nhó đứng dậy bước vào nhà. Cha ngồi mép cửa rít thuốc lào. Còn cô em gái nằm bất động. Ba cha con đã trải qua thời gian khủng hoảng đó bằng việc rời khỏi làng. Viễn không nghĩ cha sẽ đưa hai anh em về một vùng sông nước nữa. Khi đặt chiếc ba lô cũ kĩ xuống nền đất lạnh của một ngôi nhà, Viễn đã nghe tiếng sóng ỳ ầm sau lưng. Như một người phản xạ tự nhiên, Viễn gào lên đau đớn:

- Cha làm sao vậy, sao cha lại đưa tụi con đến đây?

Giọng cha Viễn nhẹ nhàng, nhưng đầy chua xót:

- Cha con mình biết đi đâu bây giờ hở con?

Rồi cha chống đôi nạng gỗ, tấp tểnh bước về phía biển. Cô em gái chạy theo, gạt nước mắt nhìn cha.

Mọi thứ bắt đầu một cách khó khăn. Sáng đi học, chiều Viễn cùng em đi bắt ốc, nhập thêm cho mấy hàng hải sản trong chợ. Cha xin vào làm ở một xưởng đóng thuyền, bỏ đi khắp vùng biển này ở đâu người ta cũng chẳng nhận một người tật nguyện như cha. Người ta sợ chỉ với một chân còn lại, cha sẽ không đứng vững khi sóng biển ập đến, nói chi việc quăng lưới quăng chài. Viễn nằng nặc đòi cha cho nghỉ học để đi biển. Nhưng cha đã gạt phăng đi, bảo rằng nếu có đi ăn xin đi chằng nữa cha cũng không cho đứa nào bỏ học hết.

Thương cha, ngoài những buổi học ở trường anh em Viễn đều tranh thủ xuống biển cào ốc, tìm những thứ có thể bán được để kiếm tiền nộp học. Có lẽ ám ảnh về cái chết của mẹ nên anh em Viễn chẳng bao giờ dám ra xa, chỉ quanh quanh gần bờ rồi về. Bữa cơm của ba cha con thường chỉ có tép biển nấu canh, một vài cọng rau xanh và một bát nước mắm đầy. Viễn mon men xin đi biển với các chú gần nhà. Trốn cha sau một buổi tình cờ thấy ông vật lộn bên những tấm ván đóng tàu, thân hình nhể nhại mồ hôi, đằng sau là những lời nhiếc móc không thương tiếc của bà chủ. Viễn đứng chết trân như thể nhìn cha cho tới khi ông quay lại. Một thằng nhóc mười lăm tuổi khi đó máu nóng dồn lên mặt, nhưng khi nhìn thấy cha ra hiệu im lặng, Viễn chỉ biết cầm nín làm lụi trở về. Thương cha, gánh nặng gà trống nuôi con đè lên đôi vai của cha.

Một buổi sáng Viễn chạy qua bên nhà chú Thịnh, nằng nặc xin đi biển với chú. Chú Thịnh nhìn nó đầy ái ngại, nhưng cuối



cùng cũng gặt đầu cho Viễn đi theo mấy ngày đánh bắt gần bờ. Ngày đầu tiên lên thuyền, Viễn say sóng. Bao nhiêu mặt xanh mặt vàng, Viễn ói xuống biển hết. Khi đang lạng lạng bước vào trong thuyền thì bỗng đầu cha lừ thừ đi ra hỏi:

- Mẹ ốm không con?

Viễn ngạc nhiên tột độ, không biết tự lúc nào cha đã nhìn thấy cảnh Viễn như một cọng bún, lê lét vì say sóng. Cũng từ ngày đó trở về dù cha im lặng nhưng Viễn biết giữa việc chăm chỉ học hành và việc đi biển thì Viễn phải chọn tiếp tục con đường học vấn. Cha bắt đầu công cuộc chinh phục biển cả với chiếc chân còn lại. Thường là những đợt câu mực, cha giúp chú Thịnh bắt được khá nhiều. Chính bởi vậy cha dần gần bó với con thuyền của nhà chú Thịnh. Trong những năm tháng tưng quăn đó, chú ấy là người dang rộng vòng tay đón nhận cha con nhà Viễn, giúp đỡ nhiệt tình, chân thành như chính tấm lòng của con người vùng biển. Xóm của những người dân biển trở nên gần gũi thân thương dần. Kéo ba cha con Viễn ra khỏi mặc cảm, tự ti bằng những sẻ chia nhỏ. Khi là bát canh hén của cô Tư, mớ cá nhỏ tươi rói của dì Út hay những ngày hai anh em Viễn đi ngủ nhờ nhà thằng Vũ vì cha đi biển lâu ngày. Đối với anh em Viễn, vùng biển này là quê hương thứ hai cứu mang cuộc đời anh lúc cả ba cha con vất vưởng tới nơi đây tìm nơi trú ngụ. Cũng từ ngày đó, ba cha con chưa lần nào trở về quê nhà. Duy chỉ có một lần giỗ hết việc cho mẹ, cha lằm lũi trở về một mình. Sau đó, ông cũng chẳng bao giờ nhắc về chuyện trở lại quê. Anh em Viễn lớn lên, phương tiện điện thoại phổ biến hơn, hai anh em cũng gọi về cho bên nội, bên ngoại nhiều hơn. Có vài lần dì Hân, em gái mẹ nhắc chuyện trở về quê, nhưng dặn đó cha nghe được nổi xùng lên với Viễn, vậy là thôi cậu cũng chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Nhà cửa đất đai ở quê cha giao lại hết cho chú, dặn chú cai quản, chăm lo ông bà nội, mồ mả hương khói ở quê.

Vài lần ngồi dưới hàng phi lao rì rào gió, cha vẫn kể đôi ba câu chuyện và về nỗi ân hận khi để mẹ ra đi một cách oan uổng. Cha bảo thời chiến tranh, mất mát, đau thương nhiều, cha là người chứng kiến đồng đội nằm gai nếm mật với nhau ra đi. Mỗi người để lại một nỗi đau riêng. Cha trở về với đôi nạng gỗ. Cuộc sống thời bình với người vợ thảo hiền, bao năm đặng đặng đợi chồng. Khi cha trở về, Viễn tròn ba tuổi, khóc ré lên khi thấy một cục thịt tròn tròn ngay ở chân trái của cha, nhăn nheo. Mẹ dùng miếng vải xô quấn lại và nhét nó vào chiếc chân giả. Một tuần liền Viễn không dám tới gần cha. Cứ mỗi lần thấy cha thay tấm vải là Viễn chui tọt xuống giường trốn hoặc chạy ra góc buồng ngồi khóc ngon lành. Bữa đó cha nhìn mẹ, hai người tự nhiên trào nước mắt. Cứ ngỡ họ sẽ được đi cùng nhau thêm một đoạn đường phía trước, nhưng cũng chỉ mười hai năm, mười hai năm trọn vẹn nghĩa tình, cô em ra đời, mẹ ra đi không một lời từ biệt. Cha không bao giờ nhắc đến chuyện đi thêm bước nữa. Vì có lẽ trong thâm tâm ông chỉ có một người phụ nữ duy nhất là mẹ. Mặc cho bao nhiêu vất vả của cuộc sống đè nén lên đôi vai, thì ông vẫn không bao giờ chịu chùn bước. Viễn nhớ mỗi lần đón cha ở biển trở về, hình ảnh in đậm trong tâm trí anh là dáng cha đứng sừng sững trước mũi tàu, cái ngực lực lưỡng nhô ra như thách thức với cuộc đời, làn da nâu rần rỏi. Chiếc nạng gỗ để ép sát góc boong tàu, nụ cười hồn hậu và giòn tan khi anh em Viễn chạy ào ào ra ôm chặt cha. Viễn thích nhất cảm giác vùi đầu vào bộ ngực ấy, hít hà mùi mặn mòi của biển. Cha như một tấm lá chắn, sẵn sàng đứng ra che chở hết sóng gió cho anh em Viễn.

Ngày anh nhận tấm bằng đại học loại giỏi, cha bận bộ đồ quân phục đứng ở xa nhìn. Trong lúc anh vui với bạn bè, cha với

cô em gái ngồi trò chuyện cùng nhau, về khoảng thời gian ba cha con cùng chiến đấu để vượt qua. Niềm vui hiện lên trên đôi mắt của người lính già.

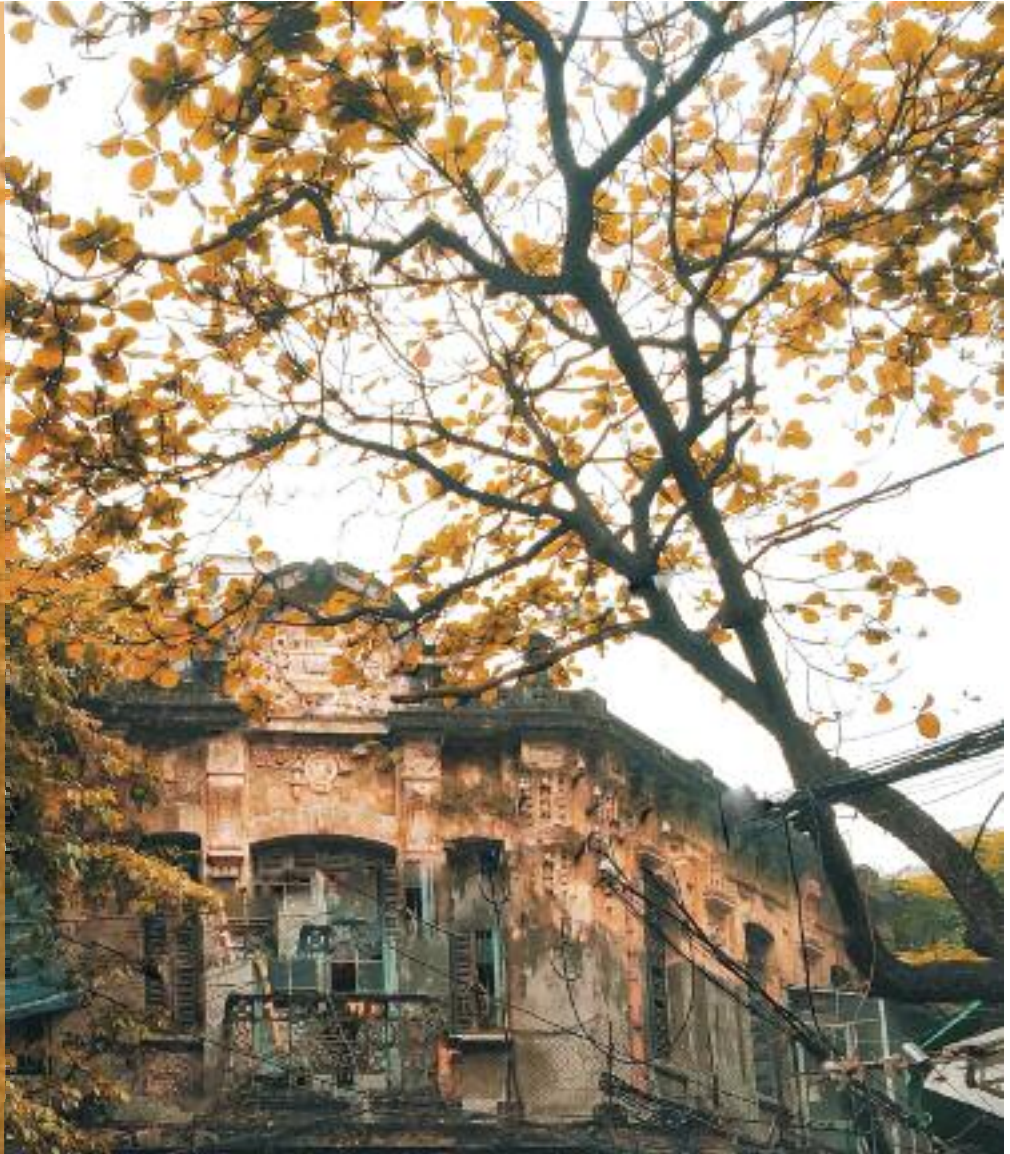
Ngày thứ mười trên biển, Viễn vẫn chưa hết hy vọng về cha. Hằng ngày anh vẫn đều đặn thức dậy trước bình minh, lạng lẹ chân trần ra bãi biển ngồi đợi. Chưa bao giờ anh thấy thời gian trôi chậm đến thế. Nỗi đau hai mươi năm trước lại hiện về. Cái ngày người ta tìm ra mẹ anh dưới ống cống. Nước mắt lăn dài trên gò má của người đàn ông đã trưởng thành. Ăn năn, hối hận. Anh nhớ hồi đó trong những giấc mơ gặp lại mẹ, bà vẫn thường dặn anh để ý tới cái chân của cha. Gặp lúc trái gió trở trời, nó hành hạ cha lắm. Nhưng bao nhiêu năm lẫn lộn nuôi con trưởng thành, chắc cha đã bỏ quên nỗi đau của chính mình.

Gió vẫn rít qua hàng phi lao hàng đêm. Viễn bỏ dở công việc ở thành phố, em gái nghe tin cha đi biển chưa về cũng lật đật thu dọn hành lý về miền biển cùng anh trai đợi cha. Ngày thứ mười bốn, con tàu của chú Thịnh tã tụy trở về, lừng lững sau ngọn hải đăng. Chỉ nhìn xa thôi Viễn đã phát hiện ra được. Anh cùng em gái chạy ào ào xuống biển, gào lên gọi cha.

Vậy là cuối cùng người lính ấy cũng trở về. Ông ngồi thụp dưới tàu, áo rách bươm, mặt mũi hiện rõ trên gương mặt già nua. Chắc hẳn ông đã chiến đấu cực khổ để trở về nơi đây. Anh em trong tàu có người đã mất tích. Cha lạng lẹ, chống nạng bước chậm trên bãi cát dài. Lúc đó, Viễn mới cảm nhận được nỗi đau mất mát của cha là quá lớn. Nên việc bám biển nguyện ở lại nơi đây đối với cha là điều mong mỏi cuối cùng. Ba cha con cứ thế ôm nhau khóc ròng. Biển ì ảm sùng. Trong bóng chiều loang lổ, ba cái bóng diu dặt nương tựa lẫn nhau đi về phía ngôi nhà...



Góc nhỏ yên bình ...



Ảnh: ST

Phổ với bao ngổn ngang xô bồ, bao vội vã chóng vánh, đâu đó vẫn giữ cho riêng mình những khoảng lặng thuộc về tâm hồn. Một góc ban công hướng ra thênh thang trời xanh mây trắng, nắng loang loáng đậu trên những cánh hoa. Ở nơi ấy, nhịp sống như bánh xe lăn chậm rãi, nhẩn nại. Một ánh nhìn mơ hồ, băng quơ trước màu hoàng hôn man mác cũng đủ khiến lòng dịu lại, miên man theo tiếng gió hát du dương và tiếng chim lích chích chuyền cành. Để sợi dây cảm

xúc ngân rung từng nốt trầm tĩnh lặng, mà vá víu tâm hồn sau những bức bối cuốn xoay gió bụi đường đời. Góc ban công vẫn đợi người về nhen nhóm những bình yên.

Có những sớm mai tôi ngồi ở ban công lặng nghe tiếng trở mình của thời gian. Chùm hoa giấy đầm thắm thấp lên khoảng trời từng đốm lửa hồng bé nhỏ, rung rinh khe khẽ trong làn gió lành lạnh. Những dây thường xuân biêng biếc, quấn quýt nhau dệt thành một tấm thảm xanh cheo leo quanh cánh cửa sổ khép hờ. Tôi ngồi một mình để những đốm nắng tinh khiết đầu ngày vương trên tóc, chảy xuống vai, xuống

bàn tay đang nâng niu từng cánh hồng nồng nàn, ngan ngát. Những buổi bình minh có lẽ là món quà vô giá dành riêng cho những người có thói quen dậy sớm, thích tận hưởng cảm giác thanh bình, tự tại, điềm nhiên. Ở góc ban công, bốn bề chỉ có nắng gió, chim muông, lá hoa bầu bạn, quanh mình ngập tràn niềm thanh thản, tiếng nhạc từ đâu vọng về réo rắt, tất cả như xoa dịu một tâm hồn âm ỉ những ưu phiền.

Tôi ở phố bao năm, chiều tan tầm chỉ muốn về với căn gác trọ thân thuộc chứa vui buồn đã qua, nhấp một ngụm trà



nóng ngồi ở ban công đọc một trang sách, gói một món quà, nghe ký ức ùa về thủ thi. Loay hoay đào đất gieo những hạt giống mới mua về của một loài hoa đẹp, lòng cứ ngỡ như đang gieo cả niềm thương nhớ mảnh vườn xanh mát ở quê nhà. Ban công được vun vén, tưới tẩm cho những vạt rau cải, mồng tơi lên xanh mỡ màng, những bụi ớt, cà chua lúc lỉu dấm mình trong nắng. Tôi ngồi dưới giàn mướp khiêm nhường ra hoa vàng chúm chím, thầm cảm ơn góc ban công đã cho tôi được gần hơn với quê hương, được thỏa thuê nỗi quay quắt trở về mảnh vườn nhà thấp thoáng dáng mẹ tần tảo. Có những mảnh hồn quê bình dị vẫn lặng thầm nép sau bao lộng lẫy của phố xá, nhắc nhớ lòng người tha hương về nguồn cội nghĩa tình.

Từ ban công, tôi nhìn xuống con hẻm nhỏ mà nao lòng thương những phận người mưa nắng mưu sinh. Ngồi lặng yên nghe tiếng rao chiều lẻ loi vang lên giữa những tòa nhà kín cổng cao tường, mỗi tiếng rao đi qua lại để lại trong tôi một niềm riêng man mác. Chỉ cần nghe tiếng rao “Đậu hũ đây...” vọng về khắc khoải, là tâm trí tôi lại hiện lên bóng hình bà lão lam lũ với vành nón trắng tất tả cùng đôi gióng đơn sơ, dáng người nhỏ bé lọt thỏm giữa tấp nập phố phường. Tiếng rao trầm đục của người đàn ông bốn mùa phơi gió phơi sương cùng nỗi ngô lộ, của cô ve chai gồng mình đạp chiếc xe cút kít, của chị hàng hoa quả áo ấm đỏ mồi... Mỗi tiếng rao vọng về, dù già hay trẻ, dù đêm hay ngày, đều tạc vào lòng tôi những thân phận, những trầm lắng cuộc đời...

Góc ban công cho tôi phút giây sống chậm lại, đối diện với chính mình, biết trân quý từng khoảnh khắc được hòa trong những yêu thương bình dị, ấm áp. Miên man cùng những điều được mắt đã qua, để nhận về mình bao lẽ sống thấm thía sau thử thách, vấp ngã, mà trái tim vẫn không thôi thổn thức từng nhịp đập có dáng hình của những người thân yêu. Ngồi ở ban công hướng mắt ra xung quanh, tự vẽ trong lòng mình một bức tranh nơi góc nhỏ phố thị với bao mảng màu, vui có, buồn có, ấm cúng và cô đơn, xót xa và hạnh phúc... Một gia đình nhỏ quấn quýt bên nhau, những đứa bé ríu rít bên người mẹ đang phơi quần áo. Một thiếu nữ ngồi bó gối ở ban công nhìn xa xăm như vẫn đợi chờ ai. Một cậu nhỏ cắm cúi vào màn hình điện thoại cùng những trò chơi bất tận... Tất cả tạo nên một nhịp sống vẫn đều đặn từng ngày. Ban công là nơi tôi đồng điệu cùng phố phường.

Góc ban công của tôi, nơi tôi vẫn ngồi ngắm trăng những ngày rằm, hát vu vơ để dằn lòng quên đi nỗi buồn những tháng năm tuổi trẻ. Nơi lặng thầm gắn bó cùng tôi qua bao chông chênh giữa xứ người xa lạ, để mỗi lần rời phố về quê, lòng vẫn nao nao nhớ một góc nhỏ yên bình...

Trần Văn Thiên

Về lại tháng Tư...

Em về qua ngõ tháng Tư
Gặp ngày xanh biếc chùng như rất trầm
Cánh hoa nở giữa lặng thầm
Người về bước vội xa xăm những chiều...

Tháng Tư nổi lại bờ yêu
Có gian nhà nhỏ, cột xiêu gió lùa
Đi qua mưa nắng ngày mùa
Hương đồng lúa chín những trưa ngọt ngào

Cánh chuồn chấp chới bờ ao
Với tay bắt hụt niềm đau rồi bởi
Tháng Tư miền nhớ ru hời
Con đò rẽ sóng đánh rơi nỗi buồn.

Lặng nghe từ cuối con đường
Tháng Tư về lại niềm thương dằng dầy
À ơi... quê mẹ chiều nay
Có làn gió mỏng làm cay mắt người...

Huyền Thị Kim Cương



Ảnh: ST



Tìm hiểu quy định về xử phạt vi phạm hành chính

Ảnh: ST

TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHOÁNG SẢN

Ngày 24/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 36/2020/NĐ-CP (Nghị định 36) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Nghị định này gồm 5 chương, 73 điều, quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Mức xử phạt vi phạm hành chính tối đa lên tới 2 tỷ đồng

Theo quy định của Nghị định 36, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và

khoáng sản bị áp dụng một trong ba hình thức xử phạt chính, gồm: Cảnh cáo, phạt tiền hoặc tước quyền sử dụng giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng. Trong đó, mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước là 250.000.000 đồng đối với cá nhân và 500.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

Bên cạnh đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung kèm theo hình thức xử phạt chính như: Tước quyền sử dụng giấy phép

thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng. Đình chỉ hoạt động lập, thực hiện đề án, dự án về tài nguyên nước; đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước, thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 12 tháng. Tịch thu tang vật, mẫu vật là khoáng sản, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Ngoài ra, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cùng với việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định 36.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước quy định tại Nghị định này bao gồm: Vi phạm các quy định về điều tra, quy



hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; vi phạm các quy định về hồ chứa và vận hành hồ chứa; vi phạm các quy định về bảo vệ tài nguyên nước; vi phạm các quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; vi phạm các quy định về lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các vi phạm khác trong quản lý tài nguyên nước.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản quy định tại Nghị định này bao gồm: Vi phạm các quy định về thăm dò, khai thác khoáng sản; vi phạm các quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; vi phạm các quy định về sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản; vi phạm các quy định về quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; vi phạm các quy định về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn mỏ và các vi phạm khác trong lĩnh vực khoáng sản.

Chánh Thanh tra Bộ có quyền xử phạt đến 1 tỷ đồng

Cùng với việc quy định cụ thể tại Chương II, Chương III về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, hình thức xử phạt, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, tại Chương IV, Nghị định cũng phân định rõ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường; thanh tra chuyên ngành công thương bên cạnh thẩm quyền của các lực lượng khác như: Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Chủ tịch UBND các cấp. Cụ thể:

Đối với lực lượng thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường:

Theo Nghị định 36, lực lượng thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường có thẩm quyền phạt cảnh cáo; Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Đối với mức phạt tiền, Nghị định quy định, Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có thẩm quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II và Chương III; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000 đồng.

Trong khi đó, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra có thẩm quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra có thẩm quyền phạt tiền đến 175.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước; phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt tương ứng.

Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản mức tiền phạt cao nhất đến 1.000.000.000 đồng, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Đối với lực lượng thanh tra chuyên ngành Công thương:

Thanh tra chuyên ngành Công thương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 36, 38, 39 và các hành vi vi phạm quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định 36. Trong đó, thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công thương đang thi hành công vụ có thẩm quyền phạt tiền đến 500.000 đồng; Chánh Thanh tra Sở Công Thương; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Giám đốc Sở Công Thương, Chánh Thanh tra Sở Công Thương ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra có thẩm quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chánh Thanh tra Bộ Công Thương ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra có thẩm quyền phạt tiền đến 250.000.000 đồng; Chánh Thanh tra Bộ Công Thương, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có thẩm quyền phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng.

Lực lượng thanh tra chuyên ngành công thương cũng có thẩm quyền phạt cảnh cáo; Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 6 Điều 38 Nghị định 36; Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định; Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Nghị định này thay thế Nghị định số 33/2017/NĐ-CP và có hiệu lực từ ngày 10/5/2020./.

Đỗ Quyền



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Kế hoạch hành động phòng, chống tham nhũng của Bộ Kế hoạch và đầu tư năm 2020

Ngày 10/3/2020, Bộ Kế hoạch và đầu tư (KHĐT) đã ban hành Kế hoạch số 1515/KH-BKHĐT về kế hoạch hành động phòng, chống tham nhũng (PCTN) của Bộ năm 2020. Kế hoạch này dựa trên chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, cũng như chương trình công tác của Ban Nội chính Trung ương và kiến nghị của đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc công tác PCTN năm 2019 của Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.

Kế hoạch đưa ra các biện pháp phòng ngừa tham nhũng cụ thể cho từng đơn vị như sau:

Tổng cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch thực hiện chương trình hành động PCTN năm 2020 của đơn vị mình; Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng các thể chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến PCTN thuộc trách nhiệm của Tổng cục Thống kê; cũng như tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về thống kê.

Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan Bộ; Hướng dẫn các đơn vị dự toán cấp II, cấp III của Bộ triển khai thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính; Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020; Thực hiện công khai ngân sách Nhà nước trong các đơn vị nhằm phát huy dân chủ và mở rộng công khai, minh bạch trong chi ngân sách và sử dụng tài sản công; Thực hiện, đôn đốc, kiểm tra việc thanh toán các



Ảnh: Trần Chính

khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên qua hệ thống tài khoản tại ngân hàng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ và các đơn vị dự toán cấp II, cấp III bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật PCTN.

Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng, trình lãnh đạo Bộ ban hành danh mục và thời hạn chuyển đổi vị trí công tác đối với một số vị trí trong các đơn vị thuộc Bộ phù hợp với quy định của Luật PCTN và văn bản hướng dẫn thi hành; Phối hợp với Thanh tra Bộ triển khai thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng.

Vụ Pháp chế làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; Chủ trì, đôn đốc

việc thực hiện các yêu cầu giám định, định giá tài sản theo yêu cầu của các cơ quan chức năng thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ đảm bảo đúng tiến độ, yêu cầu.

Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ là đơn vị đầu mối tham mưu, giúp Ban Cán sự Đảng về công tác PCTN của Bộ; Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản của Bộ liên quan đến công tác PCTN, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra theo quy định pháp luật; Tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt và đột xuất theo chỉ đạo của Bộ trưởng; Tổ chức tiếp công dân đến phản ánh, khiếu nại, tố cáo; Xử lý, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, dứt điểm và đúng pháp luật đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, tố chức; Thực hiện việc công khai các kế hoạch thanh tra, kiểm tra, PCTN và các kết luận thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Đồng thời, Thanh tra Bộ cũng theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện kế hoạch hành động PCTN của Bộ; Chủ trì xây dựng các chương trình, kế hoạch về



PCTN, báo cáo về công tác PCTN của Bộ; Phối hợp với các đơn vị thực hiện các chương trình, kế hoạch về PCTN của Ban chỉ đạo PCTN Trung ương về PCTN, Ban Nội chính Trung ương, Chính phủ và của Bộ.

Kế hoạch này có hiệu lực kể từ ngày 10/3/2020.

Những điểm nổi bật trong quy trình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Ngày 11/3/2020, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-BHXH về quy trình tiếp công dân (TCD), giải quyết khiếu nại, tố cáo (KN, TC) kiến nghị, phản ánh của BHXH Việt Nam. Quyết định này thay thế cho Quyết định 868/QĐ-BHXH ngày 08/6/2016.

Quyết định số 378/QĐ-BHXH (sau đây gọi là Quyết định 378) gồm có 6 chương, 36 điều, Trong đó, quy trình TCD, quy trình giải quyết KN, quy trình giải quyết TC, quy trình giải quyết kiến nghị, phản ánh được quy định chi tiết ở từng chương.

Quy trình TCD

Về việc TCD tại địa điểm TCD, người TCD tiến hành TCD theo trình tự như sau:

- Xác định nhân thân và tính hợp pháp của người KNTC, kiến nghị, phản ánh;
- Thực hiện phổ biến các quy định về TCD;
- Nghe, ghi chép nội dung công dân trình bày;
- Xác định nội dung vụ việc, yêu cầu của công dân;
- Xử lý đối với từng trường hợp cụ thể;

- Lập giấy biên nhận hồ sơ, tài liệu;
- Ghi sổ TCD và nhập vào phần mềm quản lý hoạt động thanh tra - kiểm tra.

Quy trình giải quyết KN

Sau khi nhận đơn KN do bộ phận văn thư chuyển đến, trong thời hạn 01 ngày làm việc, thủ trưởng đơn vị phải giao nhiệm vụ cho người xử lý đơn. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được giao, người được giao nhiệm vụ xử lý đơn phải nghiên cứu nội dung đơn, phân tích, thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan, lập phiếu đề xuất xử lý đơn và dự thảo văn bản theo hướng xử lý đã đề xuất trình thủ trưởng đơn vị. Thủ trưởng đơn vị xem xét, ký duyệt đề xuất trong thời hạn 01 ngày làm việc và báo cáo thủ trưởng cơ quan xem xét, phê duyệt.

Sau khi thụ lý giải quyết KN, trong thời hạn quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 50 Luật KN, việc giải quyết KN thực hiện theo trình tự sau:

- Người có thẩm quyền giải quyết KN hoặc người có trách nhiệm giúp người có thẩm quyền giải quyết KN kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính về BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT);
- Dự thảo quyết định xác minh và xây dựng kế hoạch xác minh nội dung KN;
- Phê duyệt quyết định xác minh và kế hoạch xác minh nội dung KN;
- Công bố quyết định xác minh nội dung KN;
- Tiến hành xác minh;
- Gia hạn xác minh nội dung KN;
- Tổ chức đối thoại;
- Lấy ý kiến tham gia; tư vấn; giám định của các cơ quan chuyên môn;
- Ký ban hành quyết định giải quyết KN;
- Gửi, công khai quyết định giải quyết KN;

- Thực hiện quyết định giải quyết KN;
- Ghi sổ theo dõi tiếp nhận và giải quyết đơn, nhập vào phần mềm quản lý hoạt động thanh tra - kiểm tra và lưu trữ hồ sơ giải quyết KN.

Ngoài ra, việc đình chỉ việc giải quyết KN khi người KN có đơn rút KN ở bất kỳ thời điểm nào của quá trình giải quyết KN, người có trách nhiệm xác minh, hoặc người được phân công xử lý đơn dự thảo văn bản báo cáo và dự thảo quyết định đình chỉ việc giải quyết KN, trình thủ trưởng cơ quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn rút KN.

Quy trình giải quyết TC

Sau khi nhận đơn TC do bộ phận văn thư chuyển đến, thủ trưởng đơn vị phải phân công ngay người xử lý đơn trong ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, người được giao nhiệm vụ xử lý đơn phải nghiên cứu nội dung đơn, phân tích, thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan, lập phiếu đề xuất xử lý đơn và dự thảo văn bản. Thủ trưởng đơn vị xem xét, duyệt ký đề xuất trong thời hạn 01 ngày làm việc và báo cáo thủ trưởng cơ quan xem xét, phê duyệt.

Theo đó, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ người TC, người được giao nhiệm vụ xử lý đơn TC phải thực hiện ngay. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu đề xuất xử lý, thụ lý đơn TC kèm theo dự thảo văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, thủ trưởng cơ quan xem xét, phê duyệt đề xuất, ký ban hành các văn bản kèm theo.

Bên cạnh đó, Điều 25 của Quyết định 378 quy định việc TC tiếp và giải quyết lại TC. Trường hợp quá thời hạn quy định tại Điều 30 Luật TC mà TC chưa được Thủ trưởng cơ quan cấp dưới giải quyết theo thẩm quyền thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được TC tiếp, thủ trưởng cơ quan cấp trên có văn bản yêu



cầu thủ trưởng cơ quan cấp dưới báo cáo về quá trình giải quyết TC, lý do về việc chậm giải quyết TC và xác định trách nhiệm giải quyết TC. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, thủ trưởng cơ quan cấp dưới phải gửi báo cáo theo quy định; tiếp tục giải quyết TC theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp và báo cáo kết quả giải quyết.

Việc giải quyết lại vụ việc TC được thực hiện khi kết quả xác minh hoặc kết luận nội dung TC thiếu chính xác hoặc thiếu khách quan; hoặc áp dụng không đúng pháp luật trong quá trình xác minh hoặc kết luận nội dung TC.

Quy trình giải quyết kiến nghị, phản ánh

So với Quyết định 868/QĐ-BHXH, Quyết định 378 dành riêng Chương V quy định về quy trình giải quyết kiến nghị, phản ánh. Trong đó, quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn giải quyết kiến nghị, phản ánh và việc xử lý, giải quyết kiến nghị, phản ánh.

Về thời hạn giải quyết kiến nghị, phản ánh, đối với kiến nghị, phản ánh về BHXH, BHTN, BHYT có nội dung đơn giản hoặc đã được quy định rõ trong các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị, phản ánh. Đối với kiến nghị, phản ánh về BHXH, BHTN, BHYT cần phải kiểm tra, xác minh hoặc phải xin ý kiến các cơ quan, đơn vị hữu quan để có căn cứ giải quyết thì thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị, phản ánh.

Về giải quyết kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền, đối với đơn kiến nghị, phản ánh có nội dung đơn giản hoặc đã được quy định rõ thì ngay sau khi được phê duyệt đề xuất, người được giao nhiệm vụ xử lý đơn dự thảo văn bản trả lời người kiến nghị, phản ánh trình thủ trưởng đơn vị. Thủ trưởng đơn vị xem xét, duyệt ký ngay sau khi nhận được đề xuất và báo cáo thủ trưởng cơ quan phê duyệt. Trường hợp cần thiết phải tiến hành làm việc với người kiến nghị, phản ánh, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan để làm rõ những nội dung nêu trong đơn và thu thập thông tin, tài liệu thì dự thảo quyết định thành lập đoàn/tổ xác minh nội dung kiến nghị, phản ánh kèm theo phiếu đề xuất xử lý đơn trình thủ trưởng cơ quan phê duyệt.

Để thực hiện được quyết định trên, cần theo dõi, quản lý công tác TCD, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh. Trong đó, Vụ Thanh tra - Kiểm tra có trách nhiệm giúp Tổng Giám đốc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác TCD, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh và việc thi hành quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC trong toàn ngành; phòng thanh tra - kiểm tra có trách nhiệm giúp giám đốc BHXH tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác TCD, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh và việc thi hành quyết định giải quyết KN, kết luận nội dung TC đối với các đơn vị thuộc BHXH tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/3/2020./.

Quỳnh An

Nỗi nhớ tháng Tư...

Em nghe gì trong nỗi nhớ tháng Tư
Giọt nắng khế trên bờ vai bồi rối
Con đường làng bàn chân về rất vội
Tiếng chim ca bên xóm nhỏ yên bình

Em nghe gì trong ngày tháng lặng thinh
Hàng cổ thụ ru mình trong nắng
Lối em về tung bay tà áo trắng
Ký ức xanh mùa thương nhớ đậm sâu

Em nghe gì trong thỏn thức đất nâu
Hạt mầm xanh cựa mình đứng dậy
Bầu trời quê những vì sao nhấp nháy
Ánh đèn xa mang một nỗi nhớ nhà

Em nghe gì trong khúc dân ca
Những bà mẹ quê bên thềm tựa cửa
Tháng Tư về nỗi lòng quê chất chứa
Miền nhớ lặng thầm con sóng vỗ bình yên...

Huỳnh Tuyền



Ảnh: ST



Uỷ ban độc lập Chống tham nhũng Hồng Kông (ICAC) được thành lập vào tháng 2 năm 1974. Từ khi thành lập, ICAC thực hiện chiến lược 3 mũi nhọn: Điều tra tham nhũng; phòng ngừa tham nhũng; giáo dục về phòng, chống tham nhũng (PCTN) cho cộng đồng. Với địa vị pháp lý độc lập trong đấu tranh chống tham nhũng, không một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có quyền can thiệp vào hoạt động của ICAC. Vị thế độc lập này của ICAC được quy định trong Sắc lệnh ICAC, quy định trong Đạo luật Cơ bản Đặc khu Hồng Kông và trong Hiến pháp.

Là cơ quan có vị trí độc lập, ICAC có thẩm quyền điều tra mạnh mẽ và có uy tín trong xã hội Hồng Kông. Chiến lược PCTN của ICAC được đánh giá là toàn diện, bài bản, bao gồm: Điều tra hành vi tham nhũng; phòng ngừa tham nhũng và tuyên truyền, giáo dục về PCTN. Bên cạnh nhiệm vụ điều tra tham nhũng, ICAC cũng tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng và giáo dục cộng đồng để duy trì văn hóa liêm chính trong xã hội nhằm loại bỏ cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng.

Cơ cấu tổ chức của ICAC gồm 3 đơn vị: Vụ Điều tra; Vụ Phòng ngừa tham nhũng và Vụ Quan hệ cộng đồng.

Vụ Điều tra có thẩm quyền tiếp nhận, điều tra tố cáo tham nhũng; điều tra hành vi của cán bộ, công chức có liên quan đến tham nhũng; điều tra hành vi hăm dọa tổng tiền của công chức; điều tra các hành vi của công chức có liên quan hoặc có thể suy đoán liên quan đến tham nhũng. Có ba đạo luật cơ bản được ban hành làm cơ sở cho công tác điều tra, gồm: Sắc lệnh phòng ngừa hối lộ; Sắc lệnh ICAC và Sắc lệnh bầu cử.

CÁCH TIẾP CẬN PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG CỦA ICAC và kinh nghiệm cho Việt Nam

Ths. Lê Văn Đức

Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, TTCP

Vụ Phòng ngừa tham nhũng có nhiệm vụ: Kiểm tra, rà soát các quy trình, thủ tục thực hiện nhiệm vụ của các ban, ngành để phát hiện ra các nguy cơ tham nhũng có thể xảy ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tư vấn đối với các tổ chức khu vực tư để giúp các chủ thể này xây dựng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; tổ chức các khóa đào tạo cho doanh nghiệp trong khu vực tư về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

Nhiệm vụ của Vụ Quan hệ cộng đồng là giáo dục đạo đức, huy động người dân tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Mục tiêu chính của Vụ là truyền tải thông điệp đến mọi người dân trong xã hội cùng tham gia vào công cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Với từng nhóm đối tượng khác nhau, Vụ sẽ xây dựng nội dung chương trình, cách thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp nhằm đảm bảo tính hiệu quả.

Trong phòng ngừa tham nhũng, mục tiêu mà ICAC hướng tới là phòng ngừa tham nhũng thông qua việc kiểm soát nội bộ và xây dựng Chính phủ liêm chính. Mục tiêu này được quy định trong Sắc lệnh ICAC, trong đó ICAC có nhiệm vụ: Kiểm tra quy trình, thủ tục của các cơ quan, đơn vị để phát hiện lỗ hổng có nguy cơ phát sinh tham nhũng; cải tiến phương pháp làm việc của các cơ quan, đơn vị; đưa ra tư vấn phòng ngừa tham nhũng cho các doanh nghiệp trong khu vực tư theo yêu cầu. Sắc lệnh ICAC quy định ICAC có thẩm quyền tiếp cận với bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ, yêu cầu trả lời các câu hỏi có liên quan; tiếp cận tài liệu, chứng từ, sổ sách để phục vụ công tác điều tra. Trong cách tiếp cận về phòng ngừa tham nhũng, ICAC chú trọng đến cách tiếp cận đồng thời (trước



Buổi hội đàm giữa Thanh tra Chính phủ Việt Nam với Đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban độc lập Chống tham nhũng Hồng Kông (Trung Quốc) ngày 17-7-2018. Ảnh: PV

khi cơ quan, doanh nghiệp thực hiện dự án, công trình cụ thể) để đưa ra các khuyến nghị kịp thời nhằm ngăn chặn nguy cơ tham nhũng phát sinh trong quá trình thực hiện.

Cách tiếp cận phòng ngừa tham nhũng của ICAC có nhiều điểm mới, đó là cách tiếp cận đồng thời, tiếp cận sớm ngay từ quá trình chuẩn bị triển khai dự án, chuẩn bị đấu thầu, ký hợp đồng mua sắm hàng hóa... ICAC đã tiếp cận hồ sơ, tài liệu, quy trình làm việc và đưa ra các khuyến nghị nhằm phòng ngừa tham nhũng. Để xây dựng các biện pháp phòng ngừa, ICAC tiến hành nghiên cứu và đưa ra các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tham nhũng cao; rà soát các quy trình có nguy cơ tham nhũng; thực hiện các nghiên cứu về phòng ngừa tham nhũng trong một dự án cụ thể để đưa ra các khuyến nghị; xác định lĩnh vực ưu tiên để thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; xây dựng báo cáo nghiên cứu nhằm đưa ra các khuyến nghị phòng ngừa tham nhũng. Khi báo cáo nghiên cứu được Hội đồng tư vấn của ICAC phê duyệt, các đơn vị, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện, báo cáo với ICAC định kỳ 03 tháng/lần về quá trình thực hiện các khuyến nghị trong báo cáo.

Cách tiếp cận phòng ngừa tham nhũng của ICAC sẽ giúp loại trừ cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng ngay từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án. Ví dụ, trong việc mua sắm công, ICAC có nhiệm vụ rà soát, đánh giá quy trình mua sắm và đưa ra tư vấn cho các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc mua sắm công bảo đảm loại trừ cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng. Trong lĩnh vực xây dựng, các biện pháp phòng ngừa được ICAC áp dụng ngay từ quá trình triển khai dự án; các quy trình, thủ tục về đấu thầu, mua sắm hàng hóa, lựa chọn nhà thầu, bảo mật thông tin... được ICAC rà soát, đánh giá và đưa ra khuyến nghị cụ thể để chủ đầu tư thực hiện. Chẳng hạn, nếu chủ đầu tư đưa ra các điều kiện để lựa chọn nhà thầu theo ý chí chủ quan của mình thì ICAC có trách nhiệm phải rà soát, đánh giá xem các điều kiện đó có phù hợp không, có bảo đảm công bằng, khách quan không, có nhằm mục đích loại các nhà thầu khác để lựa chọn nhà thầu theo ý chí chủ quan của chủ đầu tư hay không. Ngoài ra, ICAC cũng tham gia vào một số công đoạn

trong quá trình triển khai dự án như: Cử đại diện tham gia vào Ban xét thầu; giám sát việc thực hiện các gói thầu; việc thanh toán cho các nhà thầu.

Tại Việt Nam, thực tiễn cho thấy, phòng ngừa tham nhũng là trụ cột quan trọng được quy định trong Luật PCTN. Pháp luật về PCTN ở Việt Nam quy định khá đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng và phần lớn nội dung của Luật PCTN quy định các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Theo đó, Luật PCTN quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện chế độ định mức tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng chế độ liêm chính; kiểm soát xung đột lợi ích; chuyển đổi vị trí công tác; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn... Tuy nhiên, theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN thì “các biện pháp phòng ngừa tham nhũng hiệu quả chưa cao”^(*).

Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng thuộc trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Các cơ quan thanh tra thực hiện thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN, trọng tâm là việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong bộ máy hành chính; thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thanh tra doanh nghiệp Nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư... Hoạt động thanh tra thường được thực hiện sau khi một dự án được triển khai, sau khi thực hiện một chủ trương, nhiệm vụ cụ thể, sau đó đưa ra kiến nghị xử lý trách nhiệm và kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật. Với cách tiếp cận như hiện nay, việc thực hiện hoạt động thanh tra mang tính chất “hậu kiểm”, có nghĩa là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ của mình, sau đó cơ



quan thanh tra mới tiến hành thanh tra, kiểm tra. Chính vì vậy, mặc dù hàng năm các cơ quan thanh tra thực hiện hàng vạn cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện và kiến nghị thu về cho Nhà nước hàng nghìn tỷ đồng, kiến nghị xử lý kỷ luật nhiều cán bộ, công chức, tuy nhiên tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản còn thấp, chưa kể hậu quả thực tế đã xảy ra khó khắc phục được.

Về phía Hồng Kông, cách tiếp cận đồng thời, tiếp cận sớm trong phòng ngừa tham nhũng của ICAC được đánh giá là thành công trong những năm qua. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã nghiên cứu các báo cáo phòng ngừa tham nhũng và cách tiếp cận phòng ngừa tham nhũng của ICAC và coi đây là kinh nghiệm tốt cần chia sẻ.

Đối với Việt Nam, để thực hiện cách tiếp cận đồng thời, tiếp cận sớm trong phòng ngừa tham nhũng, các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra cần phải có sự thay đổi về phương thức tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, từng bước thay đổi cách tiếp cận trong hoạt động thanh tra theo hướng chủ động đưa vào kế hoạch thanh tra hàng năm những dự án đầu tư ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án và một số công đoạn của giai đoạn thực hiện dự án. Khi tiến hành các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong giai đoạn này, các cơ quan thanh tra có điều kiện xem xét, đánh giá những nguy cơ tham nhũng có thể xảy ra khi chủ đầu tư thực hiện các công đoạn chuẩn bị dự án (lập, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng...) hay bắt đầu triển khai dự án (thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; lựa chọn nhà thầu...) và trên cơ sở các khuyến nghị cụ thể trong báo cáo kết quả thanh tra. Chủ đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện các khuyến nghị và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan thanh tra. Trên thực

tế, kết quả của hoạt động thanh tra trong thời gian qua cho thấy, có nhiều sai phạm được phát hiện trong các giai đoạn đầu triển khai dự án (vi phạm quy định về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu; vi phạm quy định khi giao đất, cho thuê đất; kiến nghị xuất toán một số chi phí không phù hợp...). Việc loại bỏ điều kiện, cơ hội phát sinh tham nhũng, tiêu cực và kiến nghị hoàn thiện quy trình, thủ tục ngay từ giai đoạn đầu triển khai dự án phải là mục đích cần ưu tiên thực hiện trong hoạt động thanh tra, mà không phải là việc chú trọng phát hiện ra sai phạm, kiến nghị thu hồi tiền, tài sản và kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của các chủ thể trong hoạt động thanh tra về tính mục đích của hoạt động thanh tra. Như trên đã phân tích, kết quả cuối cùng của hoạt động thanh tra là loại bỏ các cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng; kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật. Hiện nay, chúng ta vẫn thường quan niệm, kết quả của hoạt động thanh tra được đo lường bằng số tiền, tài sản được kiến nghị xử lý; kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ, công chức hoặc chuyển vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra... Chính vì lẽ đó, trong hoạt động thanh tra, những kiến nghị hoàn thiện về cơ chế, chính sách, pháp luật; việc tổng kết thực tiễn sau khi tiến hành thanh tra ít được quan tâm thực hiện. Mặc dù, hàng năm các cơ quan thanh tra, kiểm tra kiến nghị thu hồi hàng nghìn tỷ đồng, hàng trăm ha đất, tuy nhiên thiệt hại đã xảy ra trên thực tế, khó có thể khắc phục được, trong khi chính sách, pháp luật chậm được sửa đổi, bổ sung nên vẫn là cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Do đó, cần phải thay đổi cách tiếp cận về tính mục đích của hoạt động thanh tra theo hướng tập trung rà soát, đánh giá quy trình làm việc, chính sách, pháp luật và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện. Kết quả của hoạt động thanh tra khi đó được đo lường bằng các khuyến nghị của cơ quan

thanh tra đối với dự án được thực hiện ở mức độ nào; có thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quá trình thực hiện dự án hay không; chính sách, pháp luật có được kiến nghị hoàn thiện không. Để thay đổi theo hướng này, cần phải có sự chỉ đạo quyết liệt từ người đứng đầu cơ quan thanh tra trong xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra hàng năm; sự lãnh đạo, chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra và các chủ thể khác có liên quan trong quá trình tiến hành thanh tra; thay đổi cách nhìn nhận, đánh giá về kết quả của cơ quan thanh tra, của đoàn thanh tra cho phù hợp với cách tiếp cận mới về phòng ngừa tham nhũng.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, chủ đầu tư dự án trong việc phối hợp với các cơ quan thanh tra khi thực hiện cách tiếp cận đồng thời trong phòng ngừa tham nhũng.

Thành công của ICAC cũng đến từ sự hợp tác giữa các cơ quan, doanh nghiệp với ICAC trong quá trình cơ quan này thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Đó là việc họ cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về dự án cho ICAC; phối hợp cùng đi đến thống nhất về nội dung các khuyến nghị của ICAC mà họ cần phải thực hiện trong quá trình triển khai dự án; nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị của ICAC; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các khuyến nghị với ICAC...

Vì vậy, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cần nâng cao trách nhiệm và chủ động phối hợp với cơ quan thanh tra trong việc cung cấp thông tin, tài liệu và nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được các cơ quan thanh tra kiến nghị trong quá trình thực hiện dự án cũng như thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao./.

Chú thích:

(*) Báo cáo của Chính phủ về tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN.